

**VĂN KIẾN HỘI NGHỊ LẦN THỨ 7
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ XI.**

Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khai mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa , hôm nay, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI bắt đầu họp Hội nghị lần thứ bảy để xem xét , quyết định, cho ý kiến chỉ đạo đối với các vấn đề : Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở ; Đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận; Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992; Sơ kết một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về xây dựng Đảng ; Quy hoạch cán bộ cấp chiến lược ; Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường; và một số vấn đề quan trọng khác.

Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và các đại biểu tham dự Hội nghị; xin gửi tới các đồng chí lời chúc tốt đẹp nhất.

Thưa các đồng chí,

Thời gian qua, Bộ Chính trị đã chỉ đạo Ban cán sự đảng Chính phủ, các ban đảng và các cơ quan hữu quan khẩn trương chuẩn bị các đề án, báo cáo, tờ trình để gửi Trung ương theo Quy chế làm việc; các đồng chí đã nghiên cứu trước. Sau đây, tôi xin phát biểu một số ý kiến có tính chất gợi mở, nêu vấn đề, mong được các đồng chí quan tâm trong quá trình thảo luận, xem xét, quyết định. Tập trung vào các nội dung sau:

1- Về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở

Chúng ta biết, khái niệm "hệ thống chính trị" được dùng ở nước ta lần đầu tiên tại Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (tháng 3-1989), sau đó được chính thức đưa vào Cương lĩnh năm 1991. Hệ thống chính trị bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở, liên quan đến cả cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành, bố trí cán bộ, phương thức hoạt động, lề lối làm việc và chế độ, chính sách đãi ngộ... rất phức tạp, nhạy cảm. Do đó, Đảng ta chủ trương phải lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm, đồng thời đổi mới hệ thống chính trị từng bước vững chắc. Thực tế hơn 20 năm qua cho thấy, đây là một chủ trương đúng, chúng ta đã thực hiện nghiêm túc và nhờ thế đã thu được những kết quả rất quan trọng.

Để chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần này, hơn một năm qua, Bộ Chính trị đã chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX "Về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn"; sơ kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X "Về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội"; đồng thời đã nghe báo cáo một số chuyên đề về: Kết quả thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân ở một số huyện, quận, phường; thí điểm mô hình bí thư kiêm chủ tịch ủy ban nhân dân xã ... Trên cơ sở đó xây dựng Đề án "Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở" trình Trung ương xem xét, ban hành Nghị quyết về vấn đề này.

Chúng ta cần tập trung thảo luận, đánh giá toàn diện các vấn đề liên quan đến việc quán triệt và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, chỉ ra mặt được và mặt chưa được, phân tích nguyên nhân, đề xuất các quan điểm, chủ trương và biện pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém. Chú ý làm rõ, vì sao ở một số nơi vai trò lãnh đạo của cấp ủy và tổ chức đảng chưa được phát huy đầy đủ; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước chậm được nâng cao; việc đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa mạnh, tình trạng "hành chính hóa" chậm được khắc phục? Vì sao cải cách hành chính chưa đạt được kết quả mong muốn; bộ máy tổ chức và tổng biên chế vẫn tiếp tục phình to, nhất là ở cấp tổng cục, các đơn vị trực thuộc bộ và chính quyền cơ sở. Tình trạng "tách ra, nhập vào", "nhập vào, tách ra" vẫn lặp đi lặp lại. Hoạt động của nhiều ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối vẫn lúng túng. Giữa các bộ, ngành vẫn còn một số nội dung quản lý nhà nước trùng lặp hoặc chưa được phân công cụ thể, rõ ràng. Việc phân cấp của Trung ương cho chính quyền địa phương, của cấp trên đối với cấp dưới nhìn chung chưa thật hợp lý; có lĩnh vực quá rộng, thiếu sự kiểm tra, giám sát, ảnh hưởng đến sự quản lý thống nhất cả nước; có lĩnh vực lại quá hẹp, không phát huy được quyền chủ động, tính năng động, sáng tạo của địa phương. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện sau khi sắp xếp lại tuy có giảm đầu mối trực thuộc ủy ban nhân dân nhưng lại tăng các đơn vị bên trong các sở, ngành. Vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau về vị trí, vai trò, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường. Vấn đề biên chế, phụ cấp cho cán bộ cơ sở vẫn chưa có lời giải thấu đáo. Số các hội quán chúng được lập mới vẫn tăng nhanh, một số hội đề nghị có biên chế cán bộ, công chức và hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước,... Trên cơ sở đánh giá, phân tích những mặt hạn chế, yếu kém đó, cần có giải pháp gì để khắc phục một cách cơ bản.

2- Về đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới

Tổng kết quá trình cách mạng Việt Nam, Cương lĩnh chính trị (năm 2011) của Đảng đã rút ra 5 bài học, trong đó có bài học: Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử; toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân; sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân; quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của

đất nước, của chế độ và của Đảng. Công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Trong nhiều năm qua, nhất là từ khi ban hành Nghị quyết Trung ương 8b, khóa VI, công tác quần chúng của Đảng tiếp tục được đổi mới, góp phần làm nên những thành tựu có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vấn đề đặt ra là vì sao lúc này chúng ta lại phải bàn về đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận.

Phải chăng là do bối cảnh, tình hình đã và đang có nhiều thay đổi. Bên cạnh mặt thuận lợi cơ bản, cũng xuất hiện không ít khó khăn, thách thức mới, đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ mới và bản thân công tác dân vận hiện còn những hạn chế, yếu kém? Ví dụ như: Kinh tế thị trường phát triển, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đồng thời với những tác động tích cực, đã và đang xuất hiện những mặt trái, tiêu cực tác động hằng ngày, hằng giờ đến đời sống, tư tưởng, tình cảm của nhân dân. Tình trạng phân hóa giàu nghèo, phân cực, phân tầng xã hội; những biến đổi về quan hệ lợi ích, hệ giá trị xã hội; sự cách biệt về kinh tế, xã hội... làm nảy sinh tiền đề của sự phân hóa về nhận thức, tư tưởng. Những khó khăn về kinh tế - xã hội và đời sống hiện nay cùng với tính chất lâu dài, phức tạp và cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, giữa tiến bộ và lạc hậu trong bước chuyển quá độ lên chủ nghĩa xã hội đang tác động đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân. Những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống,... đang làm tổn thương đến uy tín của Đảng và Nhà nước, làm giảm sút niềm tin của nhân dân. Lợi dụng những khó khăn của nước ta trên con đường phát triển, các thế lực thù địch đang đẩy mạnh các hoạt động "diễn biến hòa bình", xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, nói xấu chế độ, bôi nhọ đội ngũ cán bộ lãnh đạo, tìm mọi thủ đoạn phân hóa nội bộ Đảng, kích động chia rẽ nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Trong khi đó chúng ta lại chậm đổi mới, cụ thể hóa cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị có lúc, có nơi còn thiếu chặt chẽ. Trách nhiệm của cấp ủy và chính quyền trong công tác dân vận ở nhiều nơi bị xem nhẹ, chỉ dựa chủ yếu vào bộ máy hành chính và biện pháp hành chính. Một số tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể nhân dân hoạt động kém năng động, hiệu quả, không nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và cũng không đủ sức tuyên truyền, vận động, giải quyết những bức xúc của nhân dân. Tổ chức, hoạt động của các cơ quan chuyên trách làm công tác dân vận và của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân chậm được đổi mới, tăng cường. Đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận ít được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và cũng chưa được quan tâm đúng mức về chế độ, chính sách...

Nhận rõ những khó khăn, thách thức, thấy hết những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân, chúng ta cần xác định đúng mục tiêu, yêu cầu, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo và nhiệm vụ, giải pháp để đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới. Phải chăng vấn đề có ý nghĩa quyết định để tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân hiện nay vẫn là Đảng phải hết lòng, hết sức chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; thật sự tôn

trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; củng cố, xây dựng tổ chức đảng và bộ máy chính quyền thật trong sạch, vững mạnh; khắc phục cho được những hiện tượng tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, làm cho Đảng thật sự xứng đáng là người lãnh đạo và người công bộc trung thành của nhân dân.

3- Về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992

Thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và Quốc hội về sửa đổi Hiến pháp năm 1992, thời gian qua, cán bộ, đảng viên và đông đảo các tầng lớp nhân dân đã nhiệt liệt hưởng ứng, tích cực tham gia góp ý vào việc sửa đổi Hiến pháp. Hoạt động lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp đã thực sự là đợt sinh hoạt chính trị dân chủ, sâu rộng trong xã hội. Đồng bào, chiến sĩ cả nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có nhiều ý kiến tâm huyết, thẳng thắn và trách nhiệm về cả nội dung và kỹ thuật lập hiến đối với hầu hết các chương, điều của Dự thảo. Bên cạnh đó, cũng có những ý kiến góp ý, nhận định chưa phù hợp, thậm chí có một số ít lợi dụng việc góp ý kiến để xuyên tạc, chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trên các phương tiện thông tin, truyền thông, nhiều cán bộ, đảng viên và các nhà nghiên cứu đã trao đổi, phân tích, làm sáng tỏ nhiều vấn đề, góp phần tạo được sự đồng thuận cao trong xã hội đối với những nội dung cơ bản của Dự thảo sửa đổi Hiến pháp; đồng thời kiên quyết đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch và số đối tượng cơ hội chính trị.

Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp đã chỉ đạo tập hợp, tổng hợp, phân loại, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến xác đáng; phân tích, giải trình lý do không tiếp thu những góp ý chưa phù hợp. Bộ Chính trị cũng đã thảo luận, có ý kiến chỉ đạo định hướng cho việc tiếp thu, giải trình. Đề nghị các đồng chí Trung ương bám sát Cương lĩnh của Đảng, các Nghị quyết, Kết luận của Hội nghị Trung ương 2 và Hội nghị Trung ương 5 về sửa đổi Hiến pháp năm 1992, nghiên cứu thật kỹ, thảo luận thật sâu các nội dung Báo cáo giải trình, tiếp thu và bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp mà Ủy ban sửa đổi Hiến pháp trình, đóng góp nhiều ý kiến có chất lượng. Tinh thần chung là phải chân thành lắng nghe ý kiến của nhân dân, tiếp thu tối đa những ý kiến hợp lý; kiên trì những vấn đề có tính nguyên tắc, thuộc về bản chất của chế độ chính trị và Nhà nước ta, tiếp tục khẳng định Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nòng cốt là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,... Tiếp tục kế thừa những quy định của Hiến pháp năm 1992 và các bản Hiến pháp trước đây còn phù hợp; chỉ sửa đổi, bổ sung những vấn đề thực sự cần thiết, đã rõ, được thực tiễn kiểm nghiệm và có sự thống nhất cao. Đối với những vấn đề mới hoặc còn nhiều ý kiến khác nhau, Trung ương cần xem xét, trao đổi thật kỹ để có phương án tiếp thu, giải trình phù hợp.

4- Sơ kết một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về xây dựng Đảng.

Nghị quyết "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay" là một Nghị quyết rất quan trọng, được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đặc biệt quan tâm và theo dõi, ngay từ khi Nghị quyết mới được ban hành, cũng như trong suốt quá trình triển khai thực hiện.

Sau hơn 1 năm thực hiện, chúng ta cần sơ kết để kịp thời rút kinh nghiệm và có những nhận định, đánh giá thống nhất, tạo sự đồng thuận cao, làm cơ sở cho việc tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt hơn nữa Nghị quyết này. Trên cơ sở Báo cáo của Bộ Chính trị và bằng thực tiễn của địa phương, đơn vị, đề nghị các đồng chí thảo luận một cách thẳng thắn và sâu sắc vấn đề này.

Với tinh thần nhìn nhận một cách khách quan, toàn diện và ý thức trách nhiệm, phải chăng chúng ta có thể nhận định: Trong hơn một năm qua, dù thời gian còn ngắn, nhiều việc mới triển khai hoặc chưa đạt kết quả như mong muốn, chưa đáp ứng được kỳ vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhưng với quyết tâm cao, tinh thần cầu thị, các cấp ủy và tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở đã triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 một cách nghiêm túc với một khối lượng công việc lớn, phức tạp, và đã đạt được những kết quả bước đầu rất quan trọng. Thể hiện trên một số mặt chủ yếu sau đây:

Một là, các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên đã nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn về tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới; thấy rõ tính cấp bách và sự cần thiết phải tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn đảng, làm cho Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh. Từ đó, xác định rõ hơn trách nhiệm của mình đối với vận mệnh của Đảng, của dân tộc, đề cao ý thức tự giác trong việc thực hiện Nghị quyết. Quá trình chuẩn bị và tiến hành kiểm điểm, tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 thực sự đã trở thành một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng.

Hai là, thông qua việc chuẩn bị báo cáo kiểm điểm, báo cáo giải trình của tập thể, cá nhân một cách nghiêm túc, được bổ sung, hoàn thiện nhiều lần; việc tiếp thu ý kiến đóng góp của các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; việc tiến hành kiểm điểm, tự phê bình và phê bình thẳng thắn, kỹ lưỡng, đã giúp các cấp ủy, tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ hơn những ưu điểm để phát huy; những hạn chế, khuyết điểm để kịp thời sửa chữa, khắc phục. Đây là một dịp tốt để mỗi tổ chức và cán bộ, đảng viên tự nhìn nhận, soi xét lại mình, qua đó tự điều chỉnh suy nghĩ, hành động của bản thân và có những giải pháp cụ thể để sửa chữa, khắc phục khuyết điểm. Nó có tác dụng cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe và ngăn chặn những tiêu cực, sai phạm.

Ba là, hầu hết các cấp ủy, tổ chức đảng và nhiều cán bộ, đảng viên đã đề ra chương trình hành động và các biện pháp thiết thực để sửa chữa, khắc phục khuyết điểm, và trên thực tế đang có nhiều việc làm cụ thể. Ví dụ như: Trung ương đang triển khai việc xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ cấp chiến lược; mở lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ nguồn; ban hành Quy định về việc nêu gương của cán bộ, đảng

viên, nhất là người đứng đầu; quy định việc lấy phiếu tín nhiệm đối với một số chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý... Nhiều cấp ủy đã quy định cụ thể về việc sử dụng xe công, cải tiến tổ chức các hội nghị, chấn chỉnh tác phong công tác, lề lối làm việc, quy định về việc cán bộ lãnh đạo đi công tác nước ngoài; rà soát, điều chỉnh, thu hồi các dự án đã được cấp phép nhưng chậm triển khai hoặc chủ đầu tư không có khả năng thực hiện; sắp xếp lại tổ chức bộ máy và bố trí lại một số cán bộ; tăng cường việc thanh tra, kiểm tra và kết luận để điều chỉnh hoặc xem xét, xử lý kỷ luật đối với những người có dư luận liên quan đến tham nhũng, tiêu cực; tập trung xem xét, giải quyết các vụ khiếu kiện kéo dài và xem xét giải quyết dứt điểm các vụ án tồn đọng hoặc được dư luận đặc biệt quan tâm v.v...

Bốn là, các cấp ủy, tổ chức đảng có thêm kinh nghiệm trong việc chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng Đảng nói chung, kiểm điểm, tự phê bình và phê bình nói riêng. Có thể nói, với sự chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong quá trình thực hiện Nghị quyết với quy trình tiến hành kiểm điểm từ trên xuống dưới, nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu của cấp trên và của người đứng đầu; việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của tập thể và cá nhân trước khi kiểm điểm; việc gọi ý kiểm điểm đối với những nơi có vấn đề nổi cộm; việc thông báo kết quả và tiếp thu ý kiến đóng góp của các tổ chức và cá nhân sau kiểm điểm... là những cách làm mới, có tác dụng tích cực trên nhiều mặt.

Năm là, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 đã góp phần thúc đẩy các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2012, hoàn thành cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập, nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của đất nước. Không vì tập trung thực hiện nghị quyết mà sao nhãng công việc thường xuyên, ngược lại, việc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết những vấn đề bức xúc, nổi cộm càng được chú trọng và đem lại những kết quả rất đáng ghi nhận.

5- Về xây dựng quy hoạch cán bộ cấp chiến lược

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay", thời gian qua, Bộ Chính trị đã sớm chỉ đạo triển khai việc xây dựng Đề án quy hoạch cán bộ cấp chiến lược. Sau khi được Hội nghị Trung ương 6 khóa XI thông qua Đề án, Bộ Chính trị đã khẩn trương chuẩn bị đề trình Hội nghị Trung ương lần này cho ý kiến về dự kiến quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước nhiệm kỳ 2016 - 2021 và các nhiệm kỳ tiếp theo. Với tinh thần trách nhiệm cao, các đồng chí Trung ương đã tích cực tham gia phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch. Tổng hợp kết quả phát hiện, giới thiệu, bước đầu cho thấy nguồn cán bộ khá dồi dào về số lượng, có đủ 3 độ tuổi cho các chức danh, trong đó có khá nhiều cán bộ trẻ, cán bộ nữ. Bộ Chính trị đã xem xét, thảo luận và có ý kiến sơ bộ về chức danh nhân sự dự kiến đưa vào Quy hoạch nhiệm kỳ 2016 - 2021 và các nhiệm kỳ tiếp theo.

Tại hội nghị này, Bộ Chính trị đề nghị Ban Chấp hành Trung ương cho ý kiến về nguyên tắc, tiêu chí, phương pháp lựa chọn nhân sự đưa vào quy hoạch; về số lượng cho mỗi chức danh; về cơ cấu độ tuổi, giới tính, thành phần xuất thân và phương án nhân sự cụ thể đưa vào quy hoạch, sau đó giao cho Bộ Chính trị căn cứ ý kiến của Trung ương cân nhắc, quyết định chính thức. Để bảo đảm tính khả thi, thực chất của quy hoạch và tính kế thừa, phát triển của đội ngũ cán bộ, việc lựa chọn nhân sự đưa vào quy hoạch phải theo đúng đối tượng, độ tuổi, số lượng và cơ cấu như Đề án quy hoạch mà Hội nghị Trung ương 6 đã thông qua. Phân biệt công tác quy hoạch với công tác nhân sự: *Công tác quy hoạch* là việc chủ động chuẩn bị nguồn nhân sự từ xa cho công tác cán bộ, bao gồm cả khâu đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện để chuẩn bị bố trí, bổ nhiệm cán bộ trong tương lai; còn *công tác nhân sự* là việc lựa chọn người để bố trí, bổ nhiệm vào vị trí có nhu cầu theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ. Do vậy, việc lựa chọn nhân sự vào quy hoạch cần có tiêu chí, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và sự liên thông giữa quy hoạch của cấp trên và cấp dưới; đồng thời phải làm nhiều lần, bổ sung, điều chỉnh dần, không nhất thiết phải đủ số lượng ngay từ đầu. Đây là lần đầu tiên Trung ương tiến hành xây dựng quy hoạch cán bộ cấp chiến lược, chắc là không tránh khỏi những mặt còn hạn chế, chúng ta sẽ vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

6- Về ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo vệ tài nguyên, môi trường

Ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, dân tộc; đồng thời cũng là thách thức to lớn đối với nhân loại trong thế kỷ XXI. Việt Nam là quốc gia ven biển, dễ bị tổn thương trước những tác động của biến đổi khí hậu; tài nguyên có hạn trong khi nhu cầu khai thác, sử dụng tăng nhanh; môi trường chịu áp lực lớn từ quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã luôn chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác này, coi đây là một nhiệm vụ trọng yếu. Trong các văn kiện Đại hội IX, X, XI và nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng gần đây đã có đề cập vấn đề này, nhưng chưa có một nghị quyết chuyên đề toàn diện, sâu sắc của Ban Chấp hành Trung ương cho cả 3 nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Nhiệm vụ đặt ra tại Hội nghị Trung ương lần này là phải bàn bạc thấu đáo để có những chủ trương, phương hướng đúng đắn, kịp thời chỉ đạo thực hiện có kết quả lĩnh vực này, nhằm quán triệt, cụ thể hóa quan điểm phát triển bền vững của Đại hội XI, thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 cũng như lâu dài của đất nước. Muốn thế, chúng ta cần thảo luận, đánh giá thật khách quan, khoa học tình hình biến đổi khí hậu, tài nguyên, môi trường và công tác ứng phó với biến đổi khí hậu ở nước ta trong thời gian qua. Nhất là tình trạng nước biển dâng, ngập lụt, triều cường, xâm nhập mặn; phòng tránh, giảm nhẹ tác hại của thiên tai, bão lũ, hạn hán; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản, tìm kiếm, phát triển các nguồn mới thay thế; phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Đồng thời, dự báo đúng xu thế diễn biến trong từng lĩnh vực, những thách thức và vấn đề lớn đặt ra cần phải nghiên cứu xử lý. Trên cơ sở đó đề ra quan điểm, mục tiêu và định hướng nhiệm vụ, giải pháp sát

hợp, khả thi. Có quan điểm chỉ đạo chung cho cả ba lĩnh vực và cho mỗi lĩnh vực; mục tiêu tổng quát đến năm 2020, tầm nhìn 2050; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể của kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 và chiến lược 10 năm 2011 - 2020.

Trong quá trình này, phải nhìn nhận đầy đủ vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, cơ quan Nhà nước, cộng đồng các doanh nghiệp, của người dân và của toàn xã hội. Xem xét toàn diện các vấn đề song phải có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Xác định và giải quyết tốt mối quan hệ giữa *thích nghi* và *ứng phó* với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng chống, giảm thiểu tác hại của thiên tai; giữa quản lý, khai thác, *sử dụng trước mắt* với giữ gìn, bảo vệ tài nguyên, môi trường *cho tương lai lâu dài*. Việc xác định các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phải dựa trên tinh thần chủ động, quyết liệt, có chương trình, kế hoạch hành động sát hợp về khoa học - công nghệ cũng như kinh tế - xã hội, và được đặt trong tổng thể chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển cho từng thời kỳ. Phải có sự tính toán ngay từ đầu các điều kiện bảo đảm việc thực hiện, nhất là điều kiện về khoa học - công nghệ và các nguồn lực trong nước và quốc tế, bao gồm nhân lực và nguồn lực tài chính; kết hợp công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức với việc đề ra và thực hiện đồng bộ hệ thống các cơ chế, chính sách phù hợp và chế tài đủ mạnh.

Thưa các đồng chí,

Những nội dung trình Hội nghị Trung ương lần này đều là những vấn đề khó, phức tạp nhưng rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững của đất nước, không chỉ trong nhiệm kỳ này mà cho cả các nhiệm kỳ tiếp theo. Mặc dù đã được Bộ Chính trị chỉ đạo nghiên cứu, chuẩn bị nghiêm túc, công phu, nhưng chắc không tránh khỏi những hạn chế, khiếm khuyết. Đề nghị Trung ương và các đồng chí tham dự Hội nghị phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, tập trung nghiên cứu, thảo luận kỹ lưỡng, cho ý kiến đề hoàn thiện các báo cáo, đề án và xem xét, quyết định vào cuối kỳ họp.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Thông báo Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, từ ngày 02-5 đến ngày 11-5-2013, tại Thủ đô Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã họp Hội nghị lần thứ bảy để thảo luận, cho ý kiến chỉ đạo đối với các vấn đề: Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở; tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992; Sơ kết một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay"; Quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh lãnh đạo chủ chốt nhiệm kỳ 2016 - 2021 và các nhiệm kỳ tiếp theo; Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; và một số vấn đề quan trọng khác. Ban Chấp hành Trung ương đã tiến hành chất vấn và trả lời chất vấn theo quy định.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

1-Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, thảo luận, cho ý kiến về Đề án "Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở", tập trung đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X về đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Ban Chấp hành Trung ương nhận định: Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX và Nghị quyết Trung ương 4 khóa X đã được các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai học tập và thực hiện nghiêm túc. Hệ thống các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội từ Trung ương tới cơ sở, tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân từng bước được sắp xếp, kiện toàn; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác được phân định, điều chỉnh hợp lý hơn, không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và nâng cao chất lượng, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm yêu cầu lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Tuy nhiên, cho đến nay, tổ chức bộ máy ở nhiều cơ quan chưa hợp lý, còn công kênh, nhiều đầu mối và tầng nấc trung gian. Mục tiêu tinh giản biên chế chưa đạt yêu cầu đề ra. Chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nhất là trong nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, dự báo tình hình, tham mưu, đề xuất với Trung ương những vấn đề mang tính chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị, đối ngoại. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội trên một số nội dung chưa rõ, chậm đổi mới.

Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy một số cơ quan của Quốc hội và các bộ, ngành của Chính phủ chưa hợp lý, chưa phát huy đúng mức vai trò trách nhiệm, quyền hạn. Chưa phân biệt rõ chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn để có cơ chế quản lý, điều hành phù hợp. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp. Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn thấp. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên còn nghiêm trọng, chậm khắc phục. Việc đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội còn chậm. Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng còn hạn chế. Hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn hiệu quả thấp, chưa đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp phát sinh.

Sau khi xác định nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm nêu trên, nhất là nguyên nhân chủ quan, Ban Chấp hành Trung ương khẳng định : việc tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị phải bám sát, cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm của Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, văn kiện Đại hội XI của Đảng, đồng bộ với nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Công việc này cần đồng bộ với đổi mới thể chế kinh tế, đồng bộ giữa các tổ chức trong hệ thống (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội), đồng bộ giữa tổ chức bộ máy với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, hoàn thiện hệ thống luật pháp với tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng. Việc tổ chức bộ máy ở địa phương cần tăng cường kiêm nhiệm một số chức danh trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Đổi mới mạnh mẽ tổ chức và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị cần thực hiện mạnh mẽ, đồng bộ với quyết tâm chính trị cao; những vấn đề thực tiễn đòi hỏi, đã đủ rõ, chín muồi, thì kiên quyết thực hiện, những vấn đề chưa đủ rõ thì cần khẩn trương chỉ đạo nghiên cứu, làm thí điểm, tổng kết thực tiễn để làm rõ, có bước đi thích hợp; không nóng vội, chủ quan, duy ý chí. Ban Chấp hành Trung ương cho rằng: đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị phải hướng tới việc xây dựng tổ chức bộ máy đồng bộ, tinh gọn, có tính ổn định, phù hợp chức năng, nhiệm vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hợp lý về số lượng, bảo đảm chất lượng chính trị, chuyên môn, có tiền lương, thu nhập bảo đảm cuộc sống. Để thực hiện được mục tiêu trên, Ban Chấp hành Trung ương đã xác định một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể về tổ chức đảng; về nhà nước; về quản lý biên chế và tinh giản biên chế; về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

Ban Chấp hành Trung ương nhất trí thông qua Kết luận "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở".

2- Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, thảo luận, cho ý kiến về Đề án "Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình

hình mới". Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định dân vận và công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng nước ta; là điều kiện quan trọng bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng và củng cố, tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân. Trong những năm qua, công tác dân vận của Đảng được tăng cường, từng bước đổi mới. Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, giải pháp tích cực, phù hợp cho từng đối tượng, từng lĩnh vực. Đồng thời, đã thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, tăng cường, mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, lực lượng vũ trang trong công tác dân vận. Từ đó, đã tạo ra phong trào quần chúng rộng lớn, huy động và phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân; thực hiện sự nghiệp đổi mới đạt nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Kinh tế tăng trưởng, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh, vị thế đất nước ngày càng được nâng cao.

Bên cạnh đó, công tác dân vận cũng còn nhiều hạn chế, yếu kém, chưa đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới. Chậm cụ thể hóa cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị chưa thật chặt chẽ. Một số cơ quan nhà nước chưa nhận thức sâu sắc và thể hiện rõ trách nhiệm đối với công tác dân vận. Một số nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa được quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Những yếu kém, khuyết điểm của bộ máy công quyền tạo bức xúc, khiếu kiện trong nhân dân, là kẽ hở để các thế lực thù địch và cơ hội chính trị lợi dụng xuyên tạc, kích động quần chúng, ảnh hưởng tiêu cực đến khối đại đoàn kết toàn dân. Một bộ phận nhân dân thiếu việc làm, thu nhập thấp, đời sống khó khăn chưa được hỗ trợ, giải quyết kịp thời. Tình trạng tham nhũng, quan liêu, những nhiều dân, vi phạm dân chủ, thiếu gương mẫu của một bộ phận không nhỏ cán bộ có chức, có quyền ở các cấp, nhất là ở cơ sở, đã làm suy giảm lòng tin của nhân dân. Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chậm đổi mới, có biểu hiện hành chính hóa. Công tác xây dựng bộ máy, việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ làm công tác vận động nhân dân chưa được quan tâm đúng mức, chưa đáp ứng yêu cầu tăng cường, đổi mới công tác dân vận của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Ban Chấp hành Trung ương khẳng định cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; nhân dân là chủ, nhân dân làm chủ. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đều phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Công tác dân vận là công tác của toàn Đảng và cả hệ thống chính trị.

Ban Chấp hành Trung ương xác định một số nhiệm vụ, giải pháp tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới: Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI "Một số

vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay"; tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân; củng cố lòng tin, tăng cường quan hệ gắn bó máu thịt giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước. Quán triệt, làm chuyển biến nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò công tác dân vận, về chủ trương tăng cường, đổi mới công tác dân vận của Đảng trong tình hình mới. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường và đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng, khắc phục có hiệu quả bệnh hành chính, quan liêu. Coi trọng xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ dân vận, mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội ở các cấp; bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trình độ công tác dân vận cho cán bộ Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp. Lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và hiệu quả trong công tác dân vận.

Ban Chấp hành Trung ương nhất trí thông qua Nghị quyết về "Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới".

3- Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, thảo luận Báo cáo việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 trên cơ sở ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân. Đây là công việc hết sức quan trọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của đồng bào ta ở nước ngoài trong năm 2013. Đã có hơn 28.000 hội nghị, hội thảo, tọa đàm được tổ chức, hơn 26 triệu lượt ý kiến góp ý vào Dự thảo sửa đổi Hiến pháp. Nhìn chung, tuyệt đại đa số nhân dân tán thành với các nội dung cơ bản của Dự thảo Hiến pháp năm 1992 do Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp công bố. Đồng thời, nhân dân cũng đóng góp nhiều ý kiến tâm huyết, trí tuệ và trách nhiệm vào các nội dung cụ thể của Dự thảo.

Trên cơ sở bám sát Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), các văn kiện của Đảng và các nghị quyết, kết luận của Trung ương, của Bộ Chính trị về mục đích, yêu cầu, về những quan điểm cơ bản, định hướng lớn của việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992, trên cơ sở tập hợp, tổng hợp đầy đủ, kịp thời, khách quan, trung thực ý kiến của các tầng lớp nhân dân, Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp một cách nghiêm túc, chất lượng với tinh thần chung là chân thành lắng nghe ý kiến của nhân dân, tiếp thu tối đa những ý kiến hợp lý; kiên trì những vấn đề có tính nguyên tắc, thuộc về bản chất của chế độ chính trị và nhà nước ta, tiếp tục khẳng định Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nòng cốt là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

4- Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận Báo cáo của Bộ Chính trị về sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay".

Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, với nỗ lực, trách nhiệm và quyết tâm chính trị cao của toàn Đảng, nhìn chung, các cấp ủy, tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở đã triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 một cách nghiêm túc, với một khối lượng công việc lớn, phức tạp và đã đạt được những kết quả bước đầu rất quan trọng, tạo được sự chuyển biến trong việc ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng, khắc phục một số hạn chế, khuyết điểm trong công tác cán bộ và trong việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Qua kiểm điểm tự phê bình và phê bình, lắng nghe ý kiến góp ý của cán bộ, đảng viên, nhân dân, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp và từng cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc, đầy đủ hơn ưu điểm, khuyết điểm; phân tích, làm rõ nguyên nhân của các yếu kém, khuyết điểm, nhất là những khâu, những mặt kéo dài qua một số nhiệm kỳ để đề ra phương hướng, giải pháp sửa chữa, khắc phục. Đã tạo được một số chuyển biến tích cực, bước đầu làm rõ tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và xử lý nghiêm những vụ việc phức tạp, gây bức xúc trong dư luận nhân dân. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 đã góp phần thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2012, hoàn thành cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập, nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của đất nước.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết vẫn còn một số hạn chế, khuyết điểm. Trong quá trình chuẩn bị kiểm điểm, nhiều cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị góp ý cho cấp trên (nhất là cho cá nhân), chất lượng còn hạn chế. Một số đồng chí chưa nhìn nhận đúng mức khuyết điểm và trách nhiệm của mình trước những hạn chế, khuyết điểm trong lĩnh vực được giao phụ trách, còn nể nang, né tránh, ngại va chạm. Trên một số vấn đề, qua kiểm điểm của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp từ Trung ương đến cơ sở, vẫn chưa làm rõ được thực chất, mức độ nghiêm trọng của tình hình, xảy ra ở đâu, ai chịu trách nhiệm. Một số quy định, quy chế để triển khai thực hiện Nghị quyết chậm được ban hành, một số vụ việc phức tạp, gây bức xúc trong nhân dân chậm xử lý. Một số nội dung trong nhóm giải pháp về công tác giáo dục chính trị tư tưởng đang trong quá trình chuẩn bị, triển khai nên kết quả còn hạn chế.

Những khuyết điểm, hạn chế nêu trên chủ yếu là do các vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay là những vấn đề quan trọng, khó và đã kéo dài nhiều nhiệm kỳ, đòi hỏi phải có thời gian, kiên trì thực hiện mới có thể khắc phục, giải quyết được, trong khi thời gian thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 mới được hơn 1 năm.

Ban Chấp hành Trung ương xác định: Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từ Trung ương đến cơ sở cần nghiêm túc, tự giác và có kế hoạch, biện pháp phù hợp để khắc phục, sửa chữa ngay những yếu kém, khuyết điểm đã được kết luận qua kiểm điểm tự phê bình và phê bình. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện những việc cần làm ngay sau kiểm điểm, nhất là việc xử lý, giải quyết có hiệu quả, nghiêm minh những vấn đề bức xúc, nổi cộm. Tiếp tục đổi mới lề lối, phong cách làm việc trong Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và làm tốt công tác xây dựng Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 khóa X và Kết luận Hội nghị Trung ương 5 khóa XI. Thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 gắn với việc kiểm điểm và lấy phiếu tín nhiệm hằng năm. Khẩn trương hoàn thành các đề án còn lại về triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 bảo đảm chất lượng. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh; thực hiện nghiêm túc trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp. Tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác tuyên truyền, công tác tư tưởng trong Đảng và toàn xã hội.

5- Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, thảo luận về Đề án "Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường". Đây là vấn đề chiến lược có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển bền vững của nước ta. Trong bối cảnh khí hậu toàn cầu diễn biến phức tạp, do đặc điểm địa hình, vị trí địa lý, trình độ phát triển, nước ta dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu; tài nguyên, môi trường chịu áp lực lớn từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm qua, công tác này đã có bước chuyển biến và đạt được kết quả quan trọng. Bên cạnh đó, việc ứng phó với biến đổi khí hậu còn bị động; khi có thiên tai thường gây thiệt hại nặng nề về tính mạng và tài sản; tài nguyên chưa được khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, thậm chí khai thác quá mức dẫn đến suy thoái, cạn kiệt; ô nhiễm môi trường diễn ra phổ biến, có xu hướng gia tăng, có nơi nghiêm trọng; đa dạng sinh học suy giảm, nguy cơ mất cân bằng sinh thái diễn ra trên diện rộng.

Những khuyết điểm, yếu kém nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền chưa đầy đủ, chưa thống nhất về mối quan hệ giữa lợi ích trước mắt và lâu dài, giữa tăng trưởng kinh tế nhanh với phát triển bền vững. Đường lối, chủ trương của Đảng chưa được quán triệt, thể chế hóa kịp thời. Một số chính sách cụ thể chưa sát thực tế, thiếu tính khả thi, tổ chức thực hiện chưa chủ động, thiếu kiên quyết. Tổ chức bộ máy, phân công, phân cấp, bố trí cán bộ, nguồn lực còn nhiều bất cập. Sự phối hợp giữa các cơ quan, địa phương thiếu chặt chẽ, nhất là phối hợp liên ngành, liên vùng. Nhiều chủ trương, giải pháp thiếu đồng bộ, chưa có trọng tâm, trọng điểm, chưa phù hợp với diễn biến khách quan của tình hình và thực tiễn đất nước. Việc kiểm tra, giám sát

chưa được coi trọng, chưa thường xuyên, kém hiệu quả. Công tác điều tra, dự báo, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa được quan tâm đúng mức. Chưa làm rõ trách nhiệm, phát huy vai trò, huy động được sự tham gia đầy đủ, toàn diện của các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cùng sự giám sát của toàn xã hội.

Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận, định hướng chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Mục tiêu tổng quát là : Đến năm 2020, Việt Nam chủ động trong thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, giảm nhẹ cường độ phát thải khí nhà kính; có bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, hiệu quả và bền vững; kiểm chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường và suy giảm đa dạng sinh học nhằm bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện môi trường. Đến năm 2050, Việt Nam thành quốc gia phát triển, thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý, hiệu quả và bền vững; chất lượng môi trường sống, đa dạng sinh học và đạt các chỉ tiêu về môi trường tương đương với các nước công nghiệp trong khu vực. Đồng thời, Trung ương cũng xác định những mục tiêu cụ thể đến năm 2020 về ứng phó với biến đổi khí hậu; về quản lý tài nguyên; về bảo vệ môi trường.

Để đạt mục tiêu trên, cần thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm chung, một số nhiệm vụ cụ thể về ứng phó với biến đổi khí hậu; về quản lý tài nguyên, về bảo vệ môi trường với các giải pháp chủ yếu: tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; đổi mới, hoàn thiện cơ chế, quản lý tài chính, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; coi trọng hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Ban Chấp hành Trung ương nhất trí thông qua Nghị quyết về "Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường".

6- Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, thảo luận Báo cáo của Ban cán sự đảng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Kết luận số 23-KL/TW, ngày 29-5-2012 của Hội nghị Trung ương 5 khóa XI về "Một số vấn đề về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020". Sau gần một năm ban hành, Kết luận số 23-KL/TW, ngày 29-5-2012 của Hội nghị Trung ương 5 khóa XI về lĩnh vực này đã được Chính phủ tích cực triển khai thực hiện, đã đạt được một số kết quả bước đầu: ban hành một số nghị quyết, nghị định; trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung và ban hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, thực hiện việc điều chỉnh tăng lương tối thiểu cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang từ ngày 01-7-2013.

Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và thống nhất: việc triển khai thực hiện nhiệm vụ này từ nay đến năm 2014 cần bám sát những quan điểm, định hướng, mục tiêu cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công được ghi trong các văn kiện của Đảng tại các kết luận của Hội nghị Trung ương 8 khóa IX, Hội nghị Trung ương 6 khóa X và Hội nghị Trung ương 5 khóa XI.

Ban Chấp hành Trung ương thông qua Kết luận "Một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công, định hướng cải cách đến năm 2020".

7- Tại Hội nghị Trung ương lần này, Ban Chấp hành Trung ương đã bầu bổ sung các đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ vào Bộ Chính trị; bầu bổ sung đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng vào Ban Bí thư.

8- Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, cho ý kiến về các phương án và nhân sự quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước nhiệm kỳ 2016 - 2021 và các nhiệm kỳ tiếp theo.

Giao Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương chỉ đạo hoàn chỉnh, ban hành chính thức và chỉ đạo tổ chức thực hiện quy hoạch này.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân siết chặt đội ngũ, tăng cường đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, kết luận của Hội nghị Trung ương lần này cùng các nghị quyết khác của Đảng, của Quốc hội và Chính phủ, bảo đảm hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013./.

Nguồn: Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam

**Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 3/6/2013 Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về
 tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong
 tình hình mới**

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1- Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định công tác dân vận là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước; là điều kiện quan trọng bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, củng cố và tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư các khóa đã ban hành nhiều chủ trương về công tác dân vận. Trên cơ sở đó, công tác dân vận đã đạt được những kết quả quan trọng. Nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với công tác vận động nhân dân được đổi mới; đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Hệ thống tổ chức Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội được kiện toàn, củng cố, đổi mới phương thức hoạt động; giữ vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Đã có nhiều hình thức hoạt động vận động nhân dân, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thúc đẩy các hoạt động đối ngoại nhân dân và công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài. Quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên được chăm lo, bảo vệ; công tác tập hợp, phát triển đoàn viên, hội viên được chú trọng; công tác giáo dục thế hệ trẻ được quan tâm.

Công tác dân vận thời gian qua đã góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

2- Tuy nhiên, công tác dân vận còn nhiều hạn chế, yếu kém. Việc xây dựng và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận còn chưa kịp thời, kém hiệu quả; chưa đánh giá và dự báo chính xác những diễn biến, thay đổi cơ cấu xã hội, thành phần dân cư, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân... để có chủ trương, chính sách phù hợp. Việc thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác dân vận chưa kịp thời, nhất là cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận chưa được quan tâm đúng mức. Một số chính sách chưa đáp ứng nguyện vọng, lợi ích của nhân dân, nhiều bức xúc chưa được giải quyết; quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi bị vi phạm, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

3- Tình hình trên đây có nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu do những nguyên nhân chủ quan. Một số cấp ủy đảng chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của công tác dân vận; chưa thấy hết trách nhiệm và chưa quan tâm đúng mức lãnh

đạo, chỉ đạo công tác này. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ lãnh đạo, quản lý còn thiếu gương mẫu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận chậm được đổi mới, chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thực tiễn. Tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội ở một số cơ sở yếu kém, giảm sút vai trò lãnh đạo, phối hợp thiếu chặt chẽ, không sát dân, không làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân. Chưa xác định rõ trọng tâm, trọng điểm và bố trí đủ nguồn lực cho việc triển khai, thực hiện chủ trương, chính sách công tác dân vận. Phương pháp vận động, tập hợp quần chúng chưa phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là đối với đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, thanh niên, người theo đạo. Việc chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, đoàn thể chưa thực sự đáp ứng yêu cầu.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, có rất nhiều vấn đề mới đặt ra tác động đến tư tưởng, tình cảm, đời sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Sự phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội, cùng với tệ quan liêu, tham nhũng, xa dân, xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, là thách thức đối với mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng. Thực tiễn đòi hỏi Đảng cần tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo đối với công tác dân vận, củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với dân cũng như khối đại đoàn kết toàn dân; phát huy sức mạnh to lớn của toàn dân phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM

1- Mục tiêu

Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới nhằm củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân đối với Đảng; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân; tập hợp, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh to lớn của nhân dân, tạo phong trào cách mạng rộng lớn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2- Quan điểm

Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới, cần quán triệt các quan điểm sau:

- Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; nhân dân là chủ, nhân dân làm chủ.

- Động lực thúc đẩy phong trào nhân dân là phát huy quyền làm chủ, đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân; kết hợp hài hòa các lợi ích; quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ công dân; chú trọng lợi ích trực tiếp của người dân; huy động sức dân phải đi đôi với bồi dưỡng sức dân; những gì có lợi cho dân thì hết sức làm, những gì có hại cho dân thì hết sức tránh.

- Phương thức lãnh đạo công tác dân vận của Đảng phải gắn liền với công tác xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Mọi quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước phải phù hợp với lợi ích của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu để nhân dân tin tưởng, noi theo.

- Công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang. Trong đó, Đảng lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, Mặt trận, đoàn thể làm tham mưu và nòng cốt.

- Nhà nước tiếp tục thể chế hóa cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" thành quy chế, quy định để các tổ chức trong hệ thống chính trị; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang thực hiện công tác dân vận; các hình thức tập hợp nhân dân phải phong phú, đa dạng, khoa học, hiệu quả.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cán bộ; tập trung giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc chính đáng của nhân dân; làm cho nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ máu thịt của nhân dân với Đảng và Nhà nước

Kiên quyết, kiên trì thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng; ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Sớm ban hành và thực hiện tốt quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, quy định về Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Không ngừng nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước từ Trung ương đến cơ sở. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải hiếu dân, gương mẫu, tận tụy với công việc, nói đi đôi với làm để nhân dân tin tưởng, noi theo. Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trên cơ sở tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân,

tạo điều kiện để nhân dân phát huy đầy đủ quyền và thực hiện tốt nghĩa vụ của mình.

Các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị tập trung giải quyết những bức xúc, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống, việc làm, đền bù thu hồi đất đai, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội. Trong xây dựng thể chế, chính sách, cần quán triệt và thực hiện nghiêm nguyên tắc: mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải thuận với lòng dân, xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Chú trọng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là điều kiện sống, lao động, học tập, sáng tạo, nghỉ ngơi, chăm sóc sức khỏe.

Quan tâm điều chỉnh hài hòa lợi ích giữa các giai tầng xã hội, các vùng miền, các lĩnh vực; gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng, xã hội.

Xử lý nghiêm minh những vụ việc tiêu cực, tham nhũng; giải quyết dứt điểm những vụ việc khiếu kiện đông người phức tạp, kéo dài.

2- Nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ Đảng, Nhà nước, Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân về vai trò, vị trí công tác dân vận trong tình hình mới

Đổi mới và nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm vững, nhất trí với mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ công tác dân vận; quán triệt sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công". Công tác dân vận trong tình hình mới phải phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, tạo động lực để nhân dân đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội. Làm tốt công tác dân tộc, tôn giáo, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Không ngừng nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tăng cường lãnh đạo công tác thông tin, tuyên truyền, phát huy sức mạnh tổng hợp của các cơ quan thông tin đại chúng; mở rộng các kênh thông tin truyền thông, đối thoại trực tiếp với nhân dân, góp phần giải tỏa bức xúc, hoài nghi trong xã hội. Chú trọng việc định hướng và quản lý các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là các mạng xã hội; phát huy sức mạnh của dư luận xã hội lành mạnh hỗ trợ cho các biện pháp quản lý của Nhà nước và các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Chủ động đấu tranh với các luận điệu

xuyên tạc, kích động của các thế lực thù địch chống phá khối đại đoàn kết dân tộc, chia rẽ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Đẩy mạnh tuyên truyền, cổ vũ và nhân rộng các nhân tố mới, các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trên mọi lĩnh vực; phát huy tinh thần yêu nước, thực hành dân chủ, tạo ra phong trào hành động cách mạng của toàn dân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Thường xuyên tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc các quan điểm, giải pháp về công tác dân vận của Đảng để mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức là cán bộ dân vận của Đảng. Phát hiện, bồi dưỡng kỹ năng vận động nhân dân cho những người có uy tín trong cộng đồng dân cư, tạo điều kiện để họ tham gia tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo sự lan tỏa, sức sống của công tác dân vận trong tình hình mới.

3- Tăng cường và đổi mới công tác dân vận của các cơ quan nhà nước

Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương mới của Đảng về dân vận thành các văn bản pháp luật để các cấp chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân thực hiện. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, doanh nhân, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi. Ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, hướng về Tổ quốc, đóng góp xây dựng đất nước; góp phần tăng cường hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước.

Cán bộ, công chức, viên chức phải có trách nhiệm vận động nhân dân. Xây dựng và thực hiện phong cách: "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân", "nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin"; thường xuyên đi công tác cơ sở. Các cơ quan nhà nước, nhất là những ngành, cơ quan, đơn vị có quan hệ trực tiếp với nhân dân cần công khai các quy định cụ thể về trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức để nhân dân biết và giám sát, kiểm tra việc thực hiện. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đổi mới lề lối làm việc, chấn chỉnh thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường đối thoại, tiếp xúc trực tiếp với nhân dân và giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu tố của dân. Làm tốt công tác thanh tra nhân dân, công tác hòa giải ở cơ sở; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chủ động nắm tình hình và giải quyết những công việc liên quan đến đời sống của nhân dân.

Chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết tốt các chính sách đối với người nghèo, người khuyết tật và các chính sách phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở các vùng đồng bào dân tộc ít người, để các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

4- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế, giữ vững độc lập chủ quyền, an ninh chính trị

Trong tình hình mới, công tác dân vận phải tập hợp được quần chúng nhân dân thành lực lượng xã hội rộng rãi tham gia các phong trào thi đua yêu nước theo tinh thần "Thi đua là yêu nước, yêu nước phải thi đua". Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phải kết thành một khối vững chắc, làm nên sức sống các phong trào thi đua. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân bám sát nhiệm vụ chính trị, nắm bắt lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân để xác định nội dung và lựa chọn cách thức phát động thi đua sát với thực tế của địa phương, đơn vị với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng. Đẩy mạnh phong trào thi đua "Dân vận khéo" gắn với việc "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và các phong trào do Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội phát động.

Các phong trào thi đua cần thiết thực, tiết kiệm, tránh hình thức, sáo rỗng; lấy hiệu quả về chính trị, kinh tế - xã hội làm thước đo đánh giá từng phong trào thi đua. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng kịp thời. Vận động và tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân phát huy cao độ tiềm năng, sức sáng tạo, tích cực lao động, học tập, sản xuất, kinh doanh, làm giàu cho mình, cho cộng đồng và đất nước; tham gia đấu tranh, phòng, chống tội phạm, tiêu cực, tệ nạn xã hội.

5- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng để tập hợp nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên; đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân, hướng về cơ sở, tập trung cho cơ sở, phù hợp với trình độ dân trí và đặc điểm, tình hình cụ thể của từng giai tầng xã hội, trong từng giai đoạn cách mạng.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội làm tham mưu và nòng cốt trong việc nắm bắt dư luận xã hội, phát huy dân chủ, năng lực trí tuệ, ý thức trách nhiệm của công dân trong thực hiện giám sát xây dựng chính quyền, xây dựng Đảng.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tăng thêm tính tự chủ, chủ động hơn trong hoạt động, gần dân, sát dân hơn.

Phát triển các tổ chức quần chúng theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải, tạo môi trường và điều kiện để nhân dân phát huy sức lực, trí tuệ sáng tạo theo nguyện vọng trên cơ sở pháp luật. Nâng cao chất lượng hoạt động các tổ chức đoàn thể, đoàn viên, hội viên; phát hiện, lựa chọn những đoàn viên, hội viên ưu tú, đủ tiêu chuẩn để giới thiệu kết nạp vào Đảng, giới thiệu quy hoạch, đào tạo cán bộ. Phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của tuổi trẻ; tạo môi trường, cơ chế, chính sách thuận lợi cho tuổi trẻ rèn đức, luyện tài, lao động, học tập, phấn đấu, cống hiến cho

đất nước. Coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng cho thanh, thiếu niên trở thành những người kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội với các hội quần chúng, với chính quyền, lực lượng vũ trang trong công tác dân vận. Phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng. Phát huy vai trò công tác đối ngoại nhân dân và vận động người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn bản sắc dân tộc, hình ảnh con người, đất nước Việt Nam và hướng về xây dựng quê hương, đất nước; tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của bạn bè và các tổ chức quốc tế.

6- Quan tâm xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ Ban Dân vận, Mặt trận, đoàn thể nhân dân các cấp vững mạnh

Củng cố ban dân vận các cấp; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận của Đảng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược; có cơ chế, chính sách thu hút người có năng lực, có uy tín, có kinh nghiệm làm công tác dân vận; chú trọng luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, nhất là cán bộ trẻ tuổi, có năng lực; khắc phục tình trạng đưa cán bộ phẩm chất, năng lực yếu kém và không có uy tín về làm công tác dân vận.

Kiện toàn tổ chức, bộ máy và cán bộ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đáp ứng yêu cầu về trình độ lý luận, năng lực thực tiễn và kỹ năng công tác vận động nhân dân.

Các cơ quan tham mưu của Đảng phải nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong công tác tham mưu, tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đảng về công tác dân vận; có chế độ báo cáo, thông tin kịp thời, đầy đủ về tình hình nhân dân và những hạn chế trong hoạt động lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận.

7- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra và giám sát việc thực hiện công tác dân vận

Các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở phải đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đề nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận sớm đi vào cuộc sống, có hiệu quả thiết thực. Phải xác định công tác vận động và chăm lo lợi ích của nhân dân là một trong những nội dung chủ yếu trong hoạt động của mình; có kế hoạch thường xuyên tìm hiểu tình hình đời sống, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để có chủ trương, biện pháp xử lý đúng đắn, kịp thời. Các cấp ủy đảng lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân phối hợp chặt chẽ trong giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân và vận động nhân dân thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân.

Các cơ quan đảng ở Trung ương thường xuyên phối hợp, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện; đồng thời theo dõi, kiểm tra việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân vận. Quan tâm nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, giải đáp kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra, nhất là về

xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, từ đó tham mưu với cấp có thẩm quyền ban hành các chủ trương, chính sách phù hợp.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương xây dựng chương trình hành động quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các luật có liên quan, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện Nghị quyết và giám sát việc thực hiện.

3- Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức tốt việc thi hành pháp luật; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện của các cấp chính quyền; kịp thời điều chỉnh các chương trình, giải pháp về tăng cường công tác dân vận phù hợp với thực tế.

4- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; tổ chức học tập, tuyên truyền phổ biến Nghị quyết cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

5- Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được quán triệt, phổ biến đến các chi bộ./.

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Thời gian qua, công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được quan tâm, có bước chuyển biến và đạt được một số kết quả bước đầu quan trọng. Tuy nhiên, việc ứng phó với biến đổi khí hậu còn bị động, lúng túng; thiên tai ngày càng bất thường, gây nhiều thiệt hại về người và tài sản; tài nguyên chưa được quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững, một số loại tài nguyên bị khai thác quá mức dẫn tới suy thoái, cạn kiệt; ô nhiễm môi trường vẫn tiếp tục gia tăng, có nơi nghiêm trọng; việc khắc phục hậu quả về môi trường do chiến tranh để lại còn chậm; đa dạng sinh học suy giảm, nguy cơ mất cân bằng sinh thái đang diễn ra trên diện rộng, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, sức khỏe và đời sống nhân dân.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Nhận thức và tầm nhìn của các cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng về công tác này chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, còn thiên về lợi ích kinh tế trước mắt, chưa coi trọng phát triển bền vững. Một số chủ trương của Đảng chưa được quán triệt và thể chế hóa đầy đủ, kịp thời. Hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ; một số cơ chế, chính sách chưa sát với thực tế, thiếu tính khả thi. Chất lượng công tác dự báo và quy hoạch còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển, tính tổng thể, liên ngành, liên vùng; chưa rõ trọng tâm, trọng điểm và nguồn lực thực hiện. Tổ chức bộ máy, quản lý nhà nước và việc phân công, phân cấp, phối hợp giữa các bộ, ban, ngành, địa phương còn thiếu chặt chẽ; tổ chức thực hiện chưa thực sự chủ động, cương quyết; hiệu lực, hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa cao. Chủ trương xã hội hóa chưa huy động được sự tham gia của các đoàn thể, hiệp hội, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1- Quan điểm

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước; là cơ sở, tiền đề cho hoạch định đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cả hệ thống chính trị; là trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự tham gia, giám sát của toàn xã hội.

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường phải trên cơ sở phương thức quản lý tổng hợp và thống nhất, liên ngành, liên vùng. Vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa bảo đảm lợi ích lâu dài, trong

đó lợi ích lâu dài là cơ bản. Vừa bảo đảm toàn diện, vừa phải có trọng tâm, trọng điểm; có bước đi phù hợp trong từng giai đoạn; dựa vào nội lực là chính, đồng thời phát huy hiệu quả nguồn lực hỗ trợ và kinh nghiệm quốc tế.

- Biến đổi khí hậu là vấn đề toàn cầu, là thách thức nghiêm trọng đối với toàn nhân loại trong thế kỷ 21. Ứng phó với biến đổi khí hậu phải được đặt trong mối quan hệ toàn cầu; không chỉ là thách thức mà còn tạo cơ hội thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững. Phải tiến hành đồng thời thích ứng và giảm nhẹ, trong đó thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, tránh thiên tai là trọng tâm.

- Tài nguyên là tài sản quốc gia, là nguồn lực, nguồn vốn tự nhiên đặc biệt quan trọng để phát triển đất nước. Tài nguyên phải được đánh giá đầy đủ các giá trị, định giá, hạch toán trong nền kinh tế, được quản lý, bảo vệ chặt chẽ; khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh tài nguyên. Chú trọng phát triển, sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu mới, tái chế.

- Môi trường là vấn đề toàn cầu. Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu vừa là một nội dung cơ bản của phát triển bền vững. Tăng cường bảo vệ môi trường phải theo phương châm ứng xử hài hòa với thiên nhiên, theo quy luật tự nhiên, phòng ngừa là chính; kết hợp kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; lấy bảo vệ sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững.

2- Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2020, về cơ bản, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính; có bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, hiệu quả và bền vững, kiểm chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học nhằm bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

- Đến năm 2050, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững tài nguyên; bảo đảm chất lượng môi trường sống và cân bằng sinh thái, phấn đấu đạt các chỉ tiêu về môi trường tương đương với mức hiện nay của các nước công nghiệp phát triển trong khu vực.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Về ứng phó với biến đổi khí hậu:

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu của các cơ quan chuyên môn. Hình thành cho mỗi thành viên trong xã hội ý thức chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Giảm dần thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra.

Chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven biển, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, ven biển miền Trung, trước hết là khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau và các thành phố ven biển khác.

Giảm mức phát thải khí nhà kính trên đơn vị GDP từ 8 - 10% so với năm 2010.

- Về quản lý tài nguyên:

Đánh giá được tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng trên đất liền. Đạt được bước tiến quan trọng trong điều tra cơ bản tài nguyên biển.

Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia. Ngăn chặn xu hướng suy giảm tài nguyên nước ngọt và tài nguyên rừng; nâng cao hiệu quả sử dụng nước tính trên một đơn vị GDP. Bảo đảm cân đối quỹ đất cho phát triển kinh tế - xã hội; giữ và sử dụng linh hoạt 3,8 triệu ha đất chuyên trồng lúa nhằm bảo đảm an ninh lương thực và nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Khai thác hiệu quả và bền vững sinh thái, cảnh quan, tài nguyên sinh vật. Hạn chế tối đa xuất khẩu khoáng sản thô.

Chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỉ lệ năng lượng tái tạo, năng lượng mới lên trên 5% tổng năng lượng thương mại sơ cấp; giảm tiêu hao năng lượng tính trên một đơn vị GDP.

- Về bảo vệ môi trường:

Không để phát sinh và xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; 70% lượng nước thải ra môi trường lưu vực các sông được xử lý; tiêu huỷ, xử lý trên 85% chất thải nguy hại, 100% chất thải y tế; tái sử dụng hoặc tái chế trên 65% rác thải sinh hoạt.

Phấn đấu 95% dân cư thành thị và 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh. Kiểm soát an toàn, xử lý ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh. Nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư. Cải thiện rõ rệt môi trường làng nghề và khu vực nông thôn.

Quản lý khai thác hợp lý, sớm chấm dứt khai thác rừng tự nhiên, nâng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên lên trên 3 triệu ha; nâng độ che phủ của rừng lên trên 45%.

III- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1- Nhiệm vụ chung

- Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Ban hành bộ chỉ số đánh giá kết quả phát triển bền vững, tăng trưởng xanh đưa vào bộ tiêu chí quốc gia; thí điểm phát triển mô hình kinh tế xanh, công nghiệp xanh, đô thị xanh, nông thôn xanh.

- Thực hiện phân vùng chức năng dựa trên đặc tính sinh thái, tiềm năng tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu làm căn cứ để lập quy hoạch phát triển; quy hoạch không gian biển gắn với không gian phát triển trên đất liền; lồng ghép mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương.

- Thiết lập, ứng dụng các mô hình dự báo tổng thể tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế - xã hội và tài nguyên, môi trường. Áp dụng thí điểm phương thức quản lý tổng hợp, thống nhất về tài nguyên, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu cho lưu vực sông, vùng ven biển, sau đó nhân rộng ra cả nước.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tổng hợp và thống nhất về tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu theo chuẩn quốc tế. Có cơ chế phù hợp khai thác, chia sẻ thông tin, sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu.

2- Nhiệm vụ cụ thể

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Xây dựng, phát triển năng lực nghiên cứu, giám sát biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo thiên tai đạt trình độ tương đương nhóm các nước dẫn đầu trong khu vực Đông Nam Á. Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cụ thể cho giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai.

Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới thích ứng biến đổi khí hậu trong xây dựng đô thị, phát triển, sử dụng năng lượng, giao thông, vật liệu xây dựng, thoát nước...

Chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, vùng, miền, nhất là các địa phương ven biển,

vùng núi cao, vùng dễ bị tổn thương trước thiên tai. Có phương án chủ động xử lý tình huống xấu nhất ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của nhân dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao năng lực tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống dịch bệnh. Chú trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân trong các vùng bị tác động mạnh của biến đổi khí hậu. Phát huy trách nhiệm và huy động các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư tích cực tham gia phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thực hiện chương trình nâng cấp, bảo đảm an toàn các hồ chứa nước, nhất là ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên, trung du miền núi phía Bắc. Nâng cấp các đoạn đê biển, đê sông xung yếu, xây dựng công ngăn mặn, giữ ngọt. Bảo vệ, đẩy mạnh phục hồi, trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn.

Bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông, lòng sông, trước hết cho sông Hồng, sông Cửu Long, sông Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy, sông Đồng Nai, sông Sài Gòn và các sông lớn khác.

Củng cố và xây dựng mới các công trình cấp, thoát nước của các đô thị, nhất là vùng ven biển.

- Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng.

Xây dựng bản đồ nguy cơ ngập lụt theo các kịch bản nước biển dâng đến cấp xã. rà soát, bổ sung điều chỉnh chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế - xã hội vùng và địa phương phù hợp với kịch bản nước biển dâng. Chủ động di dời, sắp xếp lại các điểm dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của lũ lụt, bão và những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất.

Triển khai thực hiện đề án chống ngập cho Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Cà Mau, các thành phố ven biển khác, nhất là ở vùng châu thổ sông Cửu Long.

- Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính.

Điều tra, kiểm kê, xây dựng lộ trình, kế hoạch thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

Thúc đẩy các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện nước ta trên cơ sở hỗ trợ tài chính và công nghệ của các nước và tổ chức quốc tế. Phát triển thị trường trao đổi tín chỉ các-bon trong nước và tham gia thị trường các-bon toàn cầu.

Ưu tiên thực hiện chương trình giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực chống mất rừng, suy thoái rừng và tạo sinh kế cho cộng đồng.

Đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

b) Về quản lý tài nguyên

- Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế, thực trạng và xu hướng diễn biến của các nguồn tài nguyên quốc gia.

Coi trọng công tác điều tra cơ bản tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, tài nguyên biển. Chú trọng điều tra cơ bản địa chất khoáng sản vùng biển sâu, phát hiện các loại khoáng sản mới.

Từng bước xác định, đánh giá các giá trị, thiết lập tài khoản, hạch toán trong nền kinh tế đối với các loại tài nguyên quốc gia.

Đánh giá, phát huy các giá trị dịch vụ hệ sinh thái, cảnh quan, tài nguyên di truyền.

- Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia.

Xây dựng chiến lược bảo vệ, khai thác, sử dụng các loại tài nguyên quan trọng đối với phát triển đất nước. Thiết lập cơ chế quản lý, giám sát minh bạch, bảo đảm sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia.

Hạn chế tối đa, từng bước tiến tới chấm dứt xuất khẩu khoáng sản thô và chỉ qua chế biến sơ, thúc đẩy chế biến sâu. Đối với loại khoáng sản chiến lược đặc thù như than, dầu khí... cần có chính sách cụ thể, cân đối giữa nhập khẩu và xuất khẩu. Định hướng dự trữ, nhập khẩu một số loại khoáng sản quan trọng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội lâu dài của đất nước.

Đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai. Thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; kết hợp bảo vệ diện tích, độ phì nhiêu của đất canh tác nông nghiệp; từng bước khắc phục tình trạng manh mún, nhỏ lẻ trong sử dụng đất. Đẩy mạnh khai thác quỹ đất chưa sử dụng, mở hướng đi mới trong khai thác quỹ đất trung du, miền núi cho mục đích phi nông nghiệp.

Bảo vệ, phòng, chống hoang mạc hóa, sa mạc hóa... và bảo đảm diện tích đất cho phát triển rừng bền vững theo quy hoạch, đặc biệt là ở vùng núi Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.

Quy hoạch khai thác, bảo vệ nguồn nước, tăng cường quản lý nguồn nước theo lưu vực sông; tích nước, điều tiết nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm nguồn nước, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác và sử dụng nước bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và bền vững. Chủ động hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ nguồn nước xuyên quốc gia.

Kiểm soát các hoạt động khai thác, đấu tranh, ngăn chặn tình trạng đánh bắt mang tính hủy diệt nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là vùng gần bờ.

- Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỉ trọng sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng quốc gia. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

Đẩy mạnh hợp tác thăm dò, khai thác tài nguyên từ bên ngoài, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong nước. Phát triển sản xuất các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới để thay thế các loại tài nguyên truyền thống.

c) Về bảo vệ môi trường

- Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường, bảo đảm chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường từ khâu lập, phê duyệt, triển khai thực hiện. Cấm nhập khẩu công nghệ, triển khai các dự án đầu tư mới sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tiêu tốn nguyên liệu, tài nguyên, hiệu quả thấp.

Thực hiện cơ chế quản lý về bảo vệ môi trường theo từng loại hình và mức độ tác động đến môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thực hiện lộ trình áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường (phát thải và công nghệ) tương đương với nhóm các nước dẫn đầu trong khu vực ASEAN. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, tụ điểm khai thác, chế biến khoáng sản, các làng nghề, lưu vực sông, các đô thị lớn và khu vực nông thôn. Kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị, thành phố có mật độ dân cư cao. Kiểm soát ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp (dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, đốt rơm rạ...) ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống nhân dân.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kiểm soát về môi trường đối với các hoạt động đầu tư, chuyển giao công nghệ nhằm ngăn chặn việc đưa công nghệ lạc hậu, máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu không đảm bảo yêu cầu về môi trường từ bên ngoài vào nước ta. Hạn chế các tác động bất lợi từ hội nhập quốc tế, toàn cầu hoá đối với môi trường nước ta.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, dự án đầu tư xử lý nước thải, nhất là nước thải chứa kim loại nặng, chất phóng xạ, nước thải y tế, nước thải công nghiệp, nước thải chế biến nông, lâm, hải sản, nước thải sinh hoạt đô thị. Tập trung xử lý

chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại. Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải.

Phát triển ngành kinh tế môi trường trên cơ sở ngành công nghiệp môi trường, dịch vụ bảo vệ môi trường và tái chế chất thải. Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

- Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân, hạn chế tác động do ô nhiễm môi trường đến sức khoẻ của nhân dân.

Quan tâm cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân, đặc biệt là ở các đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn.

Đánh giá đầy đủ thiệt hại do ô nhiễm môi trường và xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân gây ra. Tập trung xử lý triệt để, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; áp dụng chế tài mạnh, xử lý nghiêm khắc, buộc các cơ sở gây ô nhiễm môi trường thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

Chú trọng cải tạo những hồ, ao, kênh, mương, đoạn sông, suối bị ô nhiễm nặng, trước hết ở nơi đầu nguồn, trong các đô thị, khu dân cư. Tập trung nguồn lực thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy và sông Đồng Nai.

Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản. Đẩy nhanh tiến độ rà phá và khắc phục hậu quả bom mìn, cải tạo các vùng đất bị nhiễm chất độc điôxin, hoàn trả quỹ đất sạch phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, bảo đảm an toàn cho nhân dân.

Chú trọng cải thiện chất lượng không khí, cây xanh, không gian vui chơi, giải trí trong các đô thị, khu dân cư, nhất là các thành phố lớn.

- Bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên, đẩy mạnh trồng rừng, nhất là rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, rừng đầu nguồn. Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng. Sớm dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên.

Tăng cường quản lý, mở rộng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên hiện có tại những nơi có đủ điều kiện và đẩy nhanh việc thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên mới. Ưu tiên nguồn lực cho bảo vệ cảnh quan, sinh thái, di sản thiên nhiên.

Bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, các giống cây trồng, cây dược liệu, vật nuôi có giá trị, loài quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng. Ngăn chặn sự

xâm nhập, phát triển của sinh vật ngoại lai xâm hại. Tăng cường quản lý rủi ro từ sinh vật biến đổi gen.

IV- GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường

Đa dạng hóa hình thức, đổi mới nội dung, xác định các đối tượng ưu tiên tuyên truyền, giáo dục; đưa nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chương trình đào tạo các cấp học phổ thông, đại học, đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý. Phổ biến kinh nghiệm, xây dựng năng lực, kỹ năng phòng tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu cho mọi người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tạo dư luận xã hội lên án và thống nhất nhận thức về việc phải xử lý nghiêm các hành vi sử dụng lãng phí tài nguyên, đốt phá rừng, gây ô nhiễm môi trường, săn bắt, tiêu thụ động vật hoang dã.

Nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành, doanh nghiệp và mọi người dân. Xây dựng tiêu chí, chuẩn mực về bảo vệ môi trường trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên. Hình thành các thiết chế văn hóa, đạo đức môi trường trong xã hội. Thực hiện đánh giá, phân hạng về môi trường đối với các ngành, địa phương.

2- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Chú trọng nghiên cứu khoa học về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Sớm hình thành một số chuyên ngành khoa học mũi nhọn như năng lượng tái tạo, tái chế chất thải, vật liệu mới, thiên văn...

Thúc đẩy đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, ít chất thải và các-bon thấp; nghiên cứu phát triển và tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, trong đó chú trọng đến các giải pháp phi công trình.

Tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ mới, tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin trong dự báo, cảnh báo, điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Xây dựng và thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước phục vụ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

3- Tăng cường quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

Chú trọng xây dựng và hoàn thiện pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực có liên quan như đầu tư, thuế, xử lý vi phạm hành chính, dân sự... theo hướng bổ sung, kết hợp khắc phục các chồng chéo, xung đột pháp luật nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho việc thực hiện các nhiệm vụ.

Hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột trong ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Sửa đổi, bổ sung các chế tài hành chính, kinh tế, hình sự... về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, bảo đảm đủ sức răn đe. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật.

Nghiên cứu kiện toàn tổ chức bộ máy và hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực theo hướng tổng hợp, thống nhất, tập trung đầu mối, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, khắc phục triệt để tình trạng phân tán, chồng chéo trong quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng; cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hoá; cơ chế để nhân dân giám sát có hiệu quả việc quản lý khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

4- Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Kết hợp tăng chi từ ngân sách với đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nhất là các nguồn vốn ưu đãi cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Phát huy vai trò, trách nhiệm của bộ quản lý chuyên ngành trong việc huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực.

Hàng năm ưu tiên bố trí ngân sách phù hợp cho công tác điều tra cơ bản, xử lý ô nhiễm môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu. Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường sông Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy, sông Đòng Nai. Bảo đảm sử dụng minh bạch, đúng mục đích và hiệu quả nguồn vốn ODA và các nguồn hỗ trợ quốc tế khác.

Quản triệt và vận dụng có hiệu quả các nguyên tắc: người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Thực hiện chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tham gia hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

trường; hỗ trợ người dân trồng và bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển, người dân bị ảnh hưởng do khai thác tài nguyên thái quá.

Có lộ trình đến năm 2020 xoá bỏ các cơ chế, chính sách hỗ trợ giá đối với nhiên liệu hoá thạch; thực hiện bù giá 10 năm đầu đối với các dự án phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, tái chế chất thải, sản xuất điện từ chất thải.

5- Coi trọng hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế; coi trọng việc tham gia và thực hiện các Điều ước quốc tế. Tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm, đối thoại chính sách với các nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và trong việc thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ.

Đẩy mạnh hợp tác với các nước có liên quan, các tổ chức và các diễn đàn quốc tế để bảo vệ các nguồn nước xuyên biên giới, tiếp cận công nghệ mới và huy động nguồn lực cho giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

Thúc đẩy hợp tác Á - Âu, Châu Á - Thái Bình Dương, khu vực Đông Á, trong ASEAN, tiểu vùng sông Mê Kông về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; bổ sung các chỉ tiêu nêu trong Nghị quyết vào kế hoạch năm của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị và hằng năm kiểm điểm đánh giá việc thực hiện.

2- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc rà soát sửa đổi, bổ sung xây dựng các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết trên phạm vi cả nước.

3- Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; sửa đổi, bổ sung các văn bản dưới luật; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế.

4- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân đẩy mạnh công tác vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết đến các cấp ủy đảng, chi bộ và đảng viên.

Ban Kinh tế Trung ương chủ trì theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị./.

Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng bế mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,

Sau 10 ngày làm việc khẩn trương, dân chủ, nghiêm túc, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã hoàn thành toàn bộ chương trình đề ra. Các đồng chí Ủy viên Trung ương và các đồng chí tham dự Hội nghị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, phát huy trí tuệ, thẳng thắn thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc vào các đề án, báo cáo. Bộ Chính trị đã tiếp thu tối đa và giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Ban Chấp hành Trung ương đã thống nhất cao thông qua nội dung các nghị quyết, kết luận của Hội nghị. Để kết thúc Hội nghị, thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin phát biểu làm rõ thêm một số vấn đề và khái quát lại những kết quả chủ yếu mà Hội nghị đã đạt được.

1- Về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị: Qua trao đổi, thảo luận, Trung ương nhấn mạnh, củng cố, kiện toàn, từng bước hoàn thiện hệ thống chính trị là công việc rất lớn, hệ trọng và phức tạp, phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Vừa qua, chúng ta đã có nhiều cố gắng và đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần vào thành tựu chung của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển, vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém. Tổ chức bộ máy vẫn còn kẽ hở, chồng chéo; biên chế vẫn phình to, nặng nề; chất lượng cán bộ, công chức chậm được nâng cao; hoạt động của toàn hệ thống có những khâu chưa thông suốt, hiệu lực, hiệu quả chưa cao. Việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn một số vấn đề về phương thức lãnh đạo của Đảng, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân có những điểm còn chưa đủ sáng tỏ. Việc quán triệt, tổ chức thực hiện các quan điểm, chủ trương đúng đắn của Đảng trong lĩnh vực này chưa thực sự kiên quyết, nhất quán; một số chủ trương, chính sách chưa phù hợp chậm được phát hiện, điều chỉnh, sửa đổi. Chưa tiến hành đồng bộ giữa đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy với bổ sung, hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách.

Trung ương yêu cầu, thời gian tới, cần tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, nhằm mục tiêu xây dựng tổ chức bộ máy đồng bộ, tinh gọn, có tính ổn định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có số lượng hợp lý, có phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị phải đồng bộ với đổi mới thể chế kinh tế; thống nhất giữa các tổ chức trong toàn hệ thống, bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Kiện toàn tổ chức bộ máy phải đi đôi với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Hoàn thiện thể chế phải gắn liền với đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng. Đổi mới mạnh mẽ về tổ chức và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công. Tăng cường quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân, nhất là ở cơ sở. Không nhất thiết ở Trung ương có tổ chức nào thì ở địa phương cũng có tổ chức đó.

Đối với những vấn đề thực tiễn đòi hỏi, đã đủ rõ, chín muồi thì kiên quyết thực hiện; những vấn đề chưa đủ rõ, còn có ý kiến khác nhau thì cần chỉ đạo khẩn trương nghiên cứu, tổng kết để làm rõ, có bước đi thích hợp, không nóng vội, chủ quan, duy ý chí...

Trên cơ sở tư tưởng chỉ đạo chung nêu trên, cần tiếp tục rà soát, kiện toàn các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Đảng; hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước (bao gồm cả Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, chính quyền địa phương); đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng tinh gọn, rõ chức năng, nhiệm vụ, không chồng chéo, trùng lặp.

Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí công tác, tiêu chuẩn chức danh, số lượng cán bộ, công chức, viên chức để giao, quản lý biên chế. Tiếp tục thí điểm khoán kinh phí hành chính để khuyến khích giảm biên chế. Tăng cường cán bộ kiêm nhiệm một số chức danh phù hợp. Thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó lãnh đạo, quản lý ở các tổ chức. Đẩy mạnh áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện "xã hội hoá" dịch vụ công, từng bước giảm chi lương viên chức từ ngân sách nhà nước; quản lý chặt chẽ việc thành lập mới các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức quần chúng và số lượng viên chức ở các đơn vị sự nghiệp công lập. Khẩn trương tổng kết và có kết luận về việc thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân ở một số huyện, quận, phường. Nghiên cứu, thí điểm xây dựng mô hình chính quyền đô thị. Thực hiện giảm dần số lượng cán bộ không chuyên trách cấp xã.

2- Hội nghị nhất trí cho rằng, tiếp sau Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng, việc lần này Trung ương bàn và ban hành Nghị quyết về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận là rất cần thiết trong tình hình hiện nay. Bởi vì chỉ có làm tốt công tác dân vận, tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa nhân dân với Đảng thì Đảng mới có sức mạnh. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, có rất nhiều vấn đề mới đặt ra tác động đến tư tưởng, tình cảm, đời sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Những hiện tượng phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội, cùng với tệ quan liêu, tham nhũng, xa dân, xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân, làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng là thách thức đối với mối liên hệ giữa dân với Đảng. Chỉ có đổi mới và làm tốt công tác dân vận, củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với dân, cũng như khối đại đoàn kết toàn dân thì mới phát huy được sức mạnh to lớn của toàn dân phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để thực hiện được yêu cầu trên, phải quán triệt sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng ta về dân vận, về đại đoàn kết dân tộc. Đặc biệt là phải tôn trọng và phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân; hết lòng, hết sức chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, chú trọng đến lợi ích trực tiếp của người dân; luôn trọng dân, gần dân, hiểu dân, tin dân; những gì có lợi

cho dân thì hết sức làm, những gì có hại cho dân thì hết sức tránh. Thường xuyên chỉnh đốn, xây dựng Đảng, Nhà nước, chính quyền trong sạch, vững mạnh; mọi quan điểm, chủ trương của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước phải vì dân, xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu, tận tụy với công việc, nói đi đôi với làm để nhân dân tin tưởng, noi theo.

Tiếp tục nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của công tác dân vận. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước đến với nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về các hoạt động thông tin, truyền thông, định hướng dư luận xã hội; kịp thời ngăn chặn, đấu tranh với các thông tin xấu, độc hại, nhất là qua mạng Internet. Kiên quyết, kiên trì thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh; tăng cường quan hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước từ Trung ương đến cơ sở. Tập trung giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc trong nhân dân, nhất là về đời sống, công ăn việc làm, giải tỏa, đền bù đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân, cải cách thủ tục hành chính; khắc phục tình trạng tiêu cực, phiền hà; ách tắc và tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội, bảo đảm an sinh xã hội... Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân. Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng. Kiện toàn, nâng cao năng lực dân vận của các cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận trong toàn hệ thống chính trị, đặc biệt là trong các cơ quan hành chính nhà nước, các cán bộ thường xuyên có quan hệ, tiếp xúc trực tiếp với dân. Đổi mới mạnh tác phong công tác, thật sự gần dân, trọng dân, học dân. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

3- Ban Chấp hành Trung ương hoan nghênh và cảm ơn đồng bào, chiến sĩ cả nước và kiều bào ta ở nước ngoài đã nhiệt tình hưởng ứng, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Đồng thời, ghi nhận, biểu dương Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp và các cơ quan chức năng đã tổ chức chu đáo việc lấy ý kiến nhân dân; tổng hợp đầy đủ, tiếp thu nghiêm túc, giải trình các góp ý xây dựng để hoàn thiện thêm một bước dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 trình Quốc hội xem xét, quyết định. Qua đợt sinh hoạt chính trị dân chủ, sâu rộng này, nhân dân ta đã một lần nữa thể hiện cao độ lòng yêu nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, hết lòng chăm lo xây dựng Nhà nước ta, đất nước ta, dân tộc ta vững mạnh, trường tồn. Tuyệt đại đa số các tầng lớp nhân dân tán thành với nội dung của dự thảo và cho rằng: Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 đã bám sát mục tiêu, yêu cầu, quan điểm và định hướng lớn đã được xác định trong các nghị quyết, kết luận của Trung ương và Quốc hội, phù hợp với ý chí, nguyện vọng của nhân dân; khẳng định bản chất, mô hình tổng thể của thể chế chính trị và tổ chức bộ máy của Nhà nước ta đã được thể hiện trong Cương lĩnh và Hiến pháp hiện hành. Nội dung của Dự thảo đã có nhiều sửa đổi, bổ sung quan trọng, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước trong tình hình mới.

So với bản dự thảo được công bố, đã có rất nhiều ý kiến của nhân dân được tiếp thu, tập trung vào nhiều vấn đề quan trọng. Đối với những vấn đề mới, nhạy cảm, còn ý kiến khác nhau, Trung ương đã dành nhiều thời gian thảo luận, cho ý kiến chỉ đạo định hướng lựa chọn, tiếp thu, giải trình. Đối với các quan điểm sai trái, những luận điệu tuyên truyền chống phá của các thế lực thù địch, Trung ương kiên quyết phê phán, bác bỏ. Trung ương giao Đảng đoàn Quốc hội cùng với Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp, tiếp tục quán triệt đầy đủ và sâu sắc hơn nữa Cương lĩnh chính trị năm 2011 của Đảng, các nghị quyết, kết luận của Hội nghị Trung ương 2 và Hội nghị Trung ương 5, các kết luận của Bộ Chính trị và kết luận của Hội nghị lần này, khẩn trương chuẩn bị báo cáo tiếp thu, giải trình và chỉnh lý, hoàn thiện bản dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 để trình kỳ họp sắp tới của Quốc hội.

4- Về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường: Trung ương cho rằng, đây là 3 lĩnh vực cực kỳ quan trọng, có nội dung phong phú, nhiều mặt và quan hệ mật thiết với nhau. Thời gian qua, các lĩnh vực này ở nước ta đã bước đầu được quan tâm, có bước phát triển và đạt được những kết quả quan trọng. Tuy nhiên, hiện vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém. Việc ứng phó với biến đổi khí hậu còn nhiều lúng túng, bị động; thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra còn lớn. Tài nguyên chưa được khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững, một số loại bị khai thác quá mức nên bị suy thoái, cạn kiệt. Ô nhiễm môi trường còn diễn ra phổ biến, có xu hướng gia tăng, ở một số nơi rất nghiêm trọng; đa dạng sinh học suy giảm, gây nguy cơ mất cân bằng sinh thái trên diện rộng. Dự báo thời gian tới, tình hình còn diễn biến phức tạp, khó lường; khó khăn, thách thức có thể còn gay gắt, nặng nề hơn.

Để lãnh đạo, chỉ đạo phát triển những lĩnh vực quan trọng, phức tạp này, trước hết cần nâng cao nhận thức trong toàn đảng, toàn dân và toàn hệ thống chính trị, coi chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là vấn đề có ý nghĩa quyết định sự phát triển bền vững của đất nước. Việc xem xét, giải quyết các vấn đề phải dựa trên những nguyên tắc của phương thức quản lý tổng hợp và thống nhất, liên ngành, liên vùng; vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa bảo đảm lợi ích lâu dài; vừa toàn diện vừa có trọng tâm, trọng điểm, có bước đi phù hợp.

Biến đổi khí hậu là vấn đề toàn cầu, có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, thách thức nghiêm trọng đối với toàn nhân loại trong thế kỷ 21, đòi hỏi phải có tầm nhìn xa, chủ động nghiên cứu, dự báo và có các phương án ứng phó; không cường điệu, thái quá, nhưng cũng không được xem thường, chủ quan. Tài nguyên là tài sản quốc gia, là nguồn lực, nguồn vốn tự nhiên quan trọng để xây dựng và phát triển đất nước, cần được đánh giá một cách khoa học, chính xác, trên cơ sở đó có kế hoạch quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; chú trọng phát triển, sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu mới, tái chế. Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được lồng ghép trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng địa phương. Thực hiện phương châm lấy phòng tránh, ngăn ngừa là chính, đi

đôi với kiểm soát, xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Nhiệm vụ chung đặt ra là: Phải đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; thí điểm phát triển mô hình kinh tế xanh theo địa bàn và theo ngành, lĩnh vực và từng bước nhân rộng trên cả nước. Thực hiện phân vùng chức năng sinh thái làm cơ sở để xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực và địa phương theo hướng phù hợp với đặc tính sinh thái từng vùng, hài hòa với thiên nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thiết lập, ứng dụng các mô hình dự báo tổng thể tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và kinh tế - xã hội; thí điểm phương thức quản lý tổng hợp và thống nhất tài nguyên, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu cho lưu vực sông, vùng ven biển, sau đó nghiên cứu nhân rộng ra cả nước. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tổng hợp và thống nhất theo chuẩn quốc tế; có cơ chế phù hợp khai thác, chia sẻ thông tin, sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu trên các lĩnh vực này.

Trong số các giải pháp đã đề ra, cần hết sức chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục và áp dụng chế tài xử lý vi phạm đủ mạnh để nâng cao nhận thức, hình thành ý thức tự giác, chủ động đề phòng và ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường của toàn hệ thống chính trị, các doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và nhân dân; hình thành các thiết chế văn hóa, đạo đức môi trường trong xã hội. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực này. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính, tăng cường và đa dạng hóa các nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Coi trọng hợp tác, hội nhập quốc tế. Trong nhiệm kỳ này, cần sớm xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch để thực hiện có hiệu quả các chiến lược đã được ban hành trên 3 lĩnh vực này, tập trung giải quyết những vấn đề mà nhân dân đang đặc biệt quan tâm như: Triều cường, nước biển dâng gây úng lụt, nhiễm mặn ở các tỉnh ven biển, nhất là khu vực đồng bằng Sông Cửu Long; nạn phá rừng, khai thác hủy hoại một số loại khoáng sản; phát triển thủy điện tràn lan, gây hậu quả xấu đến xã hội và môi trường; bỏ hoang hóa đất đai sau khi được giao quyền sử dụng cho các dự án đầu tư...

5- Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét kỹ và nhất trí cao với những nhận định, đánh giá và đề xuất nêu trong Báo cáo sơ kết 1 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay". Hội nghị thống nhất cho rằng, trong hơn một năm qua, toàn hệ thống chính trị đã nghiêm túc quán triệt và tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết; nhân dân đã nhiệt tình hưởng ứng tham gia xây dựng Đảng. Nhờ vậy, chúng ta đã thu được những kết quả bước đầu quan trọng. Cán bộ, đảng viên và nhân dân đều cho rằng, việc ban hành và thực hiện Nghị quyết là rất cần thiết, đúng đắn, kịp thời nhằm ngăn chặn và từng bước đẩy lùi những tiêu cực, suy thoái trong Đảng, giữ vững bản chất cách mạng của Đảng, xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh. Qua đây chúng ta cũng có thêm kinh nghiệm trong việc chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng Đảng nói chung, trong chỉ đạo việc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình nói riêng.

Trung ương yêu cầu phải kiên quyết , kiên trì tiếp tục lãnh đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 với những bước đi vững chắc để có thể thực sự tạo được chuyển biến rõ rệt trong công tác xây dựng Đảng . Trước mắt, tập trung xây dựng và thực hiện thật tốt , có kết quả cụ thể các chương trình , kế hoạch sửa chữa những sai lầm , khuyết điểm, khắc phục những hạn chế , yếu kém đã được chỉ ra trong đợt sinh hoạt chính trị vừa qua . Việc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình cần tiếp tục được thực hiện một cách nghiêm túc gắn với kiểm điểm công tác hằng năm . Việc thực hiện các nhóm giải pháp khác phải được tiến hành khẩn trương , đồng bộ theo đúng Kế hoạch số 08-KH/TW của Bộ Chính trị, gắn với tiếp tục học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện những điều đảng viên không được làm; gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, tăng cường công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế.

Trung ương cũng đã xem xét các Báo cáo công tác kiểm tra của Đảng năm 2012; công tác tài chính Đảng năm 2012; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị từ sau Hội nghị Trung ương 6 đến nay. Đồng thời yêu cầu Ban cán sự đảng Chính phủ khẩn trương chuẩn bị Đề án cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công để trình Trung ương xem xét, quyết định vào thời gian thích hợp. Ngoài những quan điểm, định hướng chính sách, biện pháp đã được xác định tại Kết luận của Hội nghị Trung ương 5 khóa XI, cần quán triệt và thực hiện nghiêm túc Kết luận của Hội nghị Trung ương lần này; đẩy mạnh việc nghiên cứu, tổng kết một cách cơ bản, sâu sắc, toàn diện các mặt đề có một hệ thống các chính sách, biện pháp cải cách cơ bản chế độ tiền lương. Chú trọng một số giải pháp có tính đột phá, nhất là đột phá trong cải cách hành chính, tinh giản biên chế và tạo nguồn lực tài chính bảo đảm cho tính khả thi của Đề án.

Về xây dựng quy hoạch cán bộ cấp chiến lược: Trên cơ sở Tờ trình và các báo cáo của Bộ Chính trị, Trung ương đã cho ý kiến về nguyên tắc , tiêu chí, phương pháp lựa chọn nhân sự đưa vào quy hoạch ; về số lượng cho mỗi chức danh ; về cơ cấu độ tuổi, giới tính, thành phần xuất thân và phương án nhân sự giới thiệu vào quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước nhiệm kỳ 2016 - 2021 và các nhiệm kỳ tiếp theo. Đây là một dịp tổng rà soát lại đội ngũ cán bộ, cho chúng ta một cái nhìn tổng thể về nguồn cán bộ và là cơ sở quan trọng để xây dựng quy hoạch cán bộ cấp chiến lược. Ngay sau Hội nghị này, Bộ Chính trị sẽ nghiêm túc tiếp thu ý kiến của Trung ương để hoàn thiện , ban hành quy hoạch ; đồng thời bám sát những quan điểm, nguyên tắc, tư tưởng chỉ đạo của Đề án đã được Hội nghị Trung ương 6 khóa XI thông qua và Kế hoạch số 10 của Bộ Chính trị để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện quy hoạch, từng bước đưa công tác cán bộ ở Trung ương đi vào nền nếp, chủ động hơn, chính xác hơn.

Tại Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương đã bầu 2 đồng chí bổ sung vào Bộ Chính trị và 1 đồng chí bổ sung vào Ban Bí thư khóa XI. Đề nghị mỗi đồng chí hãy nỗ lực hết mình hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vẻ vang nhưng rất nặng nề mà Trung ương giao phó.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã hoàn thành một khối lượng lớn công việc. Trung ương đã thống nhất cao ban hành nhiều nghị quyết, kết luận quan trọng. Tất cả các quyết định này đều liên quan chặt chẽ với nhau, có ý nghĩa to lớn đối với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng.

Trách nhiệm của chúng ta sau Hội nghị này là phải triển khai thực hiện có kết quả các nghị quyết và kết luận của Trung ương vừa thông qua, coi đây là khâu mấu chốt quyết định trong việc biến nghị quyết thành hiện thực. Ở đây đòi hỏi chẳng những phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, mà còn phải có phương pháp làm việc khoa học, chặt chẽ. Bởi vì cùng một lúc chúng ta phải làm rất nhiều việc, việc nào cũng quan trọng, cấp bách. Nếu không có cái nhìn tổng thể, bao quát thì dễ chỉ thấy việc này, bỏ sót việc khác.

Tình hình chung của đất nước bên cạnh mặt thuận lợi cơ bản cũng còn nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế - xã hội 4 tháng đầu năm 2013 tuy có những mặt chuyển biến tích cực, đúng hướng, nhất là trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội, nhưng vẫn chưa vững chắc, còn nhiều khó khăn. Thu chi ngân sách đạt thấp; sản xuất công nghiệp tăng chậm so với cùng kỳ; số doanh nghiệp bị giải thể hoặc ngừng hoạt động vẫn còn lớn; sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp bị ảnh hưởng bởi thời tiết xấu và dịch bệnh. Việc làm, thu nhập của người lao động, an sinh xã hội còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Trong khi đó, tình hình thế giới và khu vực vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, đặt ra những thách thức mới cho sự nghiệp bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Các thế lực thù địch, cơ hội chính trị đang tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, ra sức kích động, chia rẽ nội bộ ta, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân. Vì vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta cần nêu cao ý chí của người cách mạng chân chính, tinh thần trách nhiệm trước Đảng và nhân dân, tăng cường đoàn kết thống nhất, phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm cá nhân, cùng với cấp ủy và chính quyền, lãnh đạo và tổ chức thực hiện thật tốt các nghị quyết, kết luận, quyết định của Hội nghị Trung ương lần này cùng các nghị quyết khác của Đảng, Quốc hội và Chính phủ; bảo đảm hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc, hoàn thành xuất sắc trọng trách trước Đảng, trước nhân dân và đất nước.

Xin trân trọng cảm ơn./.

KẾT LUẬN**HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA XI
Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện
hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở**

Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét Tờ trình của Bộ Chính trị về Đề án "Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở" và kết luận như sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hơn hai mươi năm qua, cùng với việc lãnh đạo toàn diện công cuộc đổi mới đất nước, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành, tổ chức thực hiện nhiều nghị quyết về đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cải cách tiền lương và thu được những kết quả quan trọng. Tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước được sắp xếp, kiện toàn; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh hợp lý hơn; góp phần bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế của đất nước.

Tuy nhiên, tổ chức bộ máy vẫn còn chồng chéo, nhiều tầng nấc trung gian; chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức trên một số lĩnh vực còn chồng chéo; thẩm quyền, trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu chưa rõ. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chậm đổi mới. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước ở nhiều nơi còn hạn chế. Chưa đổi mới mạnh mẽ tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công. Chưa phân định rạch ròi tổ chức chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn. Việc đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động, vận động quần chúng của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chưa đáp ứng được yêu cầu. Đổi mới tổ chức bộ máy chưa gắn với việc tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức. Số lượng cán bộ, công chức, nhất là viên chức ở các đơn vị sự nghiệp công lập và cán bộ công chức xã, phường, thị trấn tăng nhanh. Một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

2. Nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên là:

Hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế là việc hết sức quan trọng, phức tạp, chúng ta phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm để điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện. Nhiều vấn đề về nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền, về tổ chức và hoạt động của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, về quyền làm chủ của nhân dân còn chưa được làm sáng tỏ.

Việc quán triệt, tổ chức thực hiện các quan điểm, chủ trương đúng đắn của Đảng về hoàn thiện hệ thống chính trị chưa thực sự kiên quyết, nỗ lực, thiếu nhất quán; buông lỏng kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Chưa tiến hành đồng bộ giữa đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy với sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định tổ chức bộ máy, biên chế phù hợp với từng cơ quan chưa được làm rõ. Xã hội hóa dịch vụ công chậm. Chưa có một đầu mối thống nhất quản lý biên chế cho cả hệ thống chính trị. Việc chuyển cán bộ cấp xã thành công chức với diện quá rộng. Cơ chế, chính sách về tiền lương, nhà ở còn bất cập, chưa tạo cho cán bộ, công chức có động lực, toàn tâm toàn ý với công việc và thu hút người giỏi về công tác ở các cơ quan trong hệ thống chính trị. Chưa có cơ chế kịp thời thay thế những cán bộ, công chức không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TỪ TRUNG ƯƠNG ĐẾN CƠ SỞ

A. Quan điểm

1. Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị phải bám sát, cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm của Cương lĩnh, Điều lệ, văn kiện Đại hội XI của Đảng, đồng bộ với nội dung sửa đổi Hiến pháp 1992; bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới.

2. Đổi mới, hoàn thiện đồng bộ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, đồng bộ với đổi mới thể chế kinh tế, phù hợp với đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng duy nhất cầm quyền, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy phải gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xác định rõ quan hệ giữa tập thể lãnh đạo với cá nhân phụ trách; quyền hạn đi đôi với trách nhiệm và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.

3. Về tổ chức bộ máy, không nhất thiết ở Trung ương có tổ chức nào thì ở địa phương cũng có tổ chức đó. Căn cứ điều kiện cụ thể, tiêu chí và quy định khung của Trung ương, địa phương có thể lập (hoặc không lập) tổ chức sau khi được sự đồng ý của cấp trên có thẩm quyền, về biên chế, cần tăng cường kiêm nhiệm một số chức

danh trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Đổi mới mạnh mẽ về tổ chức và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công.

4. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị cần thực hiện mạnh mẽ với quyết tâm chính trị cao. Những vấn đề thực tiễn đòi hỏi, đã đủ rõ, chín muồi thì kiên quyết thực hiện. Những vấn đề chưa đủ rõ thì khẩn trương nghiên cứu, làm thí điểm và tổng kết thực tiễn để làm rõ, có bước đi thích hợp, không nóng vội, chủ quan, duy ý chí. Những chủ trương đã thực hiện, nhưng thực tiễn khẳng định là không phù hợp thì điều chỉnh, sửa đổi ngay.

B. Mục tiêu

Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở nhằm xây dựng tổ chức bộ máy đồng bộ, tinh gọn, có tính ổn định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có số lượng hợp lý, có phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao, đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị và có tiền lương, thu nhập bảo đảm cuộc sống.

C. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Đối với tổ chức đảng

1.1. Cơ quan lãnh đạo của Đảng: Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa X, Bổ sung, hoàn thiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhiệm vụ, quyền hạn của đảng đoàn, ban cán sự đảng và cấp ủy đảng các cấp theo hướng tăng thẩm quyền, trách nhiệm, mở rộng dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương. Quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, các chức danh lãnh đạo cấp cao của Đảng và cấp ủy các cấp có chất lượng. Bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện các quy chế, quy định về quy trình công tác của các cấp ủy, tổ chức đảng, về quan hệ lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Tiếp tục đổi mới cách ra nghị quyết, tập trung vào lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của Đảng. Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở xã, phường, thị trấn cho phù hợp với thực tế và yêu cầu, nhiệm vụ mới; sơ kết việc thành lập chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn; thống nhất mô hình tổ chức đảng ở cơ sở phù hợp với tổ chức dân cư dưới cấp xã. Tiếp tục nghiên cứu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đảng ủy khối ở Trung ương, địa phương, Đảng ủy Ngoài nước; mô hình tổ chức đảng ở các tổng công ty, tập đoàn kinh tế nhà nước.

1.2. Các cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương cơ bản giữ ổn định về tổ chức. Chuyển Học viện Hành chính từ Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh về Bộ Nội vụ và tổ chức lại cho hợp lý; điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh để phù hợp với vị trí, chức năng là cơ quan trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương. Thực hiện chủ trương không nhất thiết ở Trung ương có ban đảng, đảng bộ nào thì ở địa phương cũng phải có ban đảng, đảng bộ đó; căn cứ điều

kiện cụ thể, tiêu chí và quy định khung của Trung ương, cấp ủy địa phương có thể lập (hoặc không lập) tổ chức sau khi được sự đồng ý của cấp ủy cấp trên có thẩm quyền. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan tham mưu giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện. Xem xét việc thành lập ban kinh tế ở một số tỉnh ủy, thành ủy.

2. Đối với Nhà nước

2.1. Quốc hội

Trước mắt, giữ ổn định Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Nghiên cứu bổ sung một số thẩm quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực giữa 2 kỳ họp Quốc hội; bổ sung thêm thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban, điều chỉnh số lượng lãnh đạo cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan. Kiện toàn bộ máy giúp việc của Văn phòng Quốc hội theo các khối công việc bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, gắn với hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội. Nghiên cứu việc chuyển một số ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành ban của Quốc hội và việc lập chức danh Tổng thư ký của Quốc hội. Từng bước tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách trên cơ sở bảo đảm tính đại diện, tính chuyên nghiệp, nâng cao tiêu chuẩn, chất lượng đại biểu; tăng đại biểu chuyên trách làm việc ở Hội đồng dân tộc và các Ủy ban là các chuyên gia, am hiểu sâu các lĩnh vực chuyên môn. Xây dựng cơ chế gắn trách nhiệm của đại biểu với cử tri, trước hết là cử tri tại nơi bầu cử. Tiếp tục đổi mới quy trình và nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

2.2. Chủ tịch nước

Hoàn thiện chế định Chủ tịch nước trong Hiến pháp và pháp luật nhằm xác định rõ và cụ thể hơn quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt Nhà nước về đối nội, đối ngoại, thống lĩnh các lực lượng vũ trang; quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nghiên cứu làm rõ quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với Chủ tịch nước.

Kiện toàn tổ chức bộ máy của Văn phòng Chủ tịch nước đáp ứng yêu cầu tham mưu, giúp việc Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước trong tình hình mới theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

2.3. Chính phủ

Tiếp tục đổi mới hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, quản lý thống nhất, thông suốt, tinh gọn, hợp lý; nâng cao hiệu lực, hiệu quả các cơ quan nhà nước, khắc phục tình trạng buông lỏng trên một số lĩnh vực. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chế độ công vụ, công chức.

Trước mắt, giữ cơ bản ổn định tổ chức của Chính phủ, tổ chức bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực phù hợp với thực tiễn đất nước. Phát huy vai trò, trách nhiệm của tập thể Chính phủ, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân của Thủ tướng Chính phủ

và các thành viên Chính phủ. Điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành tập trung vào quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, khắc phục những chồng chéo hoặc bỏ trống về chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, đối tượng quản lý; làm rõ mối quan hệ phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ; bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Hoàn thiện cơ chế phân cấp theo hướng tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, đồng thời bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương. Chuyển những nhiệm vụ mà các cơ quan nhà nước không cần thiết phải thực hiện để giao cho các tổ chức xã hội đảm nhận.

Xem xét, điều chỉnh một số tổ chức không cần thiết, chưa phù hợp bên trong một số bộ, việc thành lập một số tổng cục; khắc phục những hạn chế khi tổ chức bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; nghiên cứu việc thành lập tổ chức thực hiện chức năng chủ sở hữu, quản lý, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước.

Nghiên cứu phạm vi quản lý đa ngành, đa lĩnh vực của một số bộ, việc thành lập cơ quan quản lý chuyên ngành về năng lượng và tài nguyên nước phù hợp với trình độ, năng lực quản lý và đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

Đổi mới mạnh mẽ tổ chức và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công để cung ứng tốt hơn các dịch vụ cơ bản thiết yếu cho người dân, nhất là các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo. Nhà nước tăng cường đầu tư cho các đơn vị sự nghiệp công lập ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn khó khăn. Tiếp tục đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tăng cường chức năng quản lý của Nhà nước. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích thành lập các tổ chức cung ứng dịch vụ công thuộc các thành phần ngoài Nhà nước trên cơ sở các định mức, tiêu chuẩn, các quy định của pháp luật và sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước và nhân dân.

2.4. Chính quyền địa phương

Sớm hoàn thành quy hoạch để bảo đảm cơ bản giữ ổn định số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh, huyện, xã. Hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng quy định khung các cơ quan chuyên môn giúp việc cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; căn cứ điều kiện cụ thể, tiêu chí và quy định khung của Chính phủ, địa phương có thể lập (hoặc không lập) cơ quan, tổ chức đặc thù sau khi được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền. Rà soát, điều chỉnh, khắc phục những chồng chéo, không rõ về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện với các sở, ngành cấp tỉnh. Nghiên cứu về tổ chức chính quyền địa phương (có phân biệt tổ chức chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn), giao Bộ Chính trị chỉ đạo thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị. Hướng dẫn tổ chức đảng và chính quyền phù hợp với các địa phương có tính đặc thù, như đặc khu kinh tế, hải đảo...

Sớm tổng kết việc thực hiện thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân huyện, quận, phường để có chủ trương thực hiện trong thời gian tới. Thực hiện mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân các cấp; bí thư cấp ủy đồng thời

là Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở cấp xã, cấp huyện đối với những nơi có đủ điều kiện. Thực hiện chủ trương bố trí một số chức danh cán bộ chủ chốt không phải là người địa phương.

Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu, nhiệm vụ mới. Quy định dưới xã, phường, thị trấn là thôn, tổ dân phố và tương đương (có quy mô phù hợp với địa bàn đô thị, nông thôn, miền núi), chủ yếu hoạt động theo hình thức tự quản của cộng đồng dân cư, hạn chế tối đa việc sử dụng kinh phí từ ngân sách. Thực hiện khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, tổ dân phố và tương đương bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2.3. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Tổ chức hệ thống tòa án theo thẩm quyền xét xử, bảo đảm cải cách hoạt động xét xử là trọng tâm của cải cách tư pháp; mở rộng thẩm quyền xét xử của tòa án đối với các khiếu kiện hành chính, giải quyết tranh chấp về đất đai; đổi mới cơ chế giám đốc thẩm, tái thẩm. Tổ chức hệ thống viện kiểm sát nhân dân phù hợp với hệ thống tổ chức của tòa án nhân dân. Bảo đảm các điều kiện để viện kiểm sát thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức của tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra theo Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp; đổi mới và kiện toàn các tổ chức hỗ trợ tư pháp.

3. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội theo hướng tinh gọn, rõ chức năng, nhiệm vụ, không chồng chéo. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước, đổi mới cơ chế tài chính đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tăng thêm tính tự chủ, chủ động hơn trong hoạt động; không "hành chính hóa" để gần dân, sát dân hơn. Thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp, quy định về giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, cơ chế để nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền. Quy định chặt chẽ về tổ chức và hoạt động của các hội theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí hoạt động và tuân thủ pháp luật. Sửa đổi, bổ sung các quy định của Nhà nước về quản lý tổ chức và hoạt động hội phù hợp với tình hình mới.

4. Về biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Về quản lý biên chế và tinh giản biên chế

Quy định nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh trong các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội để giao và quản lý biên chế cán bộ, công chức, xác định số lượng viên chức.

Nghiên cứu cơ chế quản lý biên chế thống nhất của cả hệ thống chính trị. Định kỳ hằng năm Bộ Chính trị nghe và cho ý kiến về quản lý biên chế và định hướng bố trí biên chế của cả hệ thống chính trị. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ cơ chế giao, quản lý và sử dụng biên chế. Thực hiện chế độ kiêm nhiệm các chức danh phù hợp và tiếp tục thí điểm khoán kinh phí hành chính để khuyến khích giảm biên chế. Thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó lãnh đạo, quản lý ở các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Tiếp tục thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, từ nay đến năm 2016 cơ bản không tăng tổng biên chế của cả hệ thống chính trị (trừ trường hợp lập thêm tổ chức hoặc được giao nhiệm vụ mới). Cơ cấu lại và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, có chính sách và biện pháp đồng bộ để thay thế những người không đáp ứng được yêu cầu. Trường hợp có yêu cầu tăng thêm biên chế phải có đề án được các cơ quan chức năng thẩm định chặt chẽ.

Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp công lập, xã hội hóa dịch vụ công, từng bước giảm chi lương viên chức từ ngân sách nhà nước; thống nhất quản lý chặt chẽ việc thành lập mới các đơn vị sự nghiệp công lập và số lượng viên chức ở các đơn vị sự nghiệp công lập.

Sửa đổi quy định về cán bộ, công chức cấp xã theo hướng: Từ nhiệm kỳ 2015 - 2020, cán bộ cấp xã hoạt động theo nhiệm kỳ, được hưởng chế độ theo quy định của Nhà nước; hết nhiệm kỳ không được bầu vào chức danh mới, nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì được bố trí công tác khác theo quy định, nếu không đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì được nghỉ công tác, hưởng chế độ trợ cấp một lần và đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện. Công chức cấp xã là người đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm việc theo các chức danh quy định (có thể là công chức cấp huyện được điều động về làm việc tại xã). Tăng cường kiêm nhiệm công việc, khoán quỹ phụ cấp để giảm dần số lượng những người hoạt động không chuyên trách gắn với việc tăng thu nhập của cán bộ công chức cấp xã. Mỗi thôn, tổ dân phố và tương đương có một số chức danh (không quá 3 người) được hưởng phụ cấp hằng tháng từ ngân sách nhà nước; tăng cường quyền làm chủ của nhân dân gắn với đẩy mạnh thực hiện các hình thức tự quản và xã hội hóa ở cộng đồng dân cư.

4.2. Về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ, năng lực, kỹ năng công tác; kết hợp việc đào tạo, bồi dưỡng với thực hiện luân chuyển để rèn luyện trong thực tiễn. Xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu cấp chiến lược ở các cơ quan của Đảng, Nhà nước. Gắn chính sách tinh giản biên chế với việc thực hiện cải cách chính sách tiền lương, nâng cao thu nhập cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Có chính sách phù hợp với đội ngũ chuyên gia, chính sách thu hút người tài vào làm việc trong cơ quan của hệ thống chính trị; thu hút cán bộ trẻ, có trình độ đại học về công tác ở cơ sở; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân

sự, thanh niên ưu tú ở địa phương bổ sung cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Thực hiện thi tuyển các chức danh quản lý ở Trung ương (đến cấp vụ trưởng) và ở địa phương (đến cấp giám đốc sở) và tương đương. Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng thi tuyển công chức, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng theo chức danh; quan tâm đào tạo cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc. Sửa đổi các quy định về tiêu chuẩn bằng cấp đối với cán bộ, công chức theo hướng thiết thực, tránh hình thức và phù hợp với thực tế.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Chính trị ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Kết luận này để bảo đảm việc thực hiện thống nhất, đồng bộ, đạt kết quả cao.

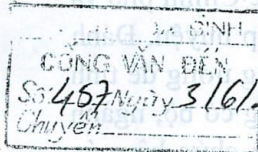
2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ Kết luận này xây dựng đề án cụ thể thực hiện; rà soát về cơ cấu tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm để tiến hành đổi mới tổ chức, tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng hoạt động ở địa phương, đơn vị.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành tổng kết các đề án đã thí điểm và một số vấn đề cần thực hiện thí điểm trong thời gian tới để phục vụ việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992 và pháp luật hiện hành về tổ chức và hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị trình cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với các ban đảng, Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kết luận này, định kỳ báo cáo Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ**

Nguyễn Phú Trọng



KẾT LUẬN

**HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHOÁ XI**

**Một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội,
trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020**

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
TỈNH HOÀ BÌNH

CÔNG VĂN ĐẾN
Số 1222 ngày: 05/6/2013.
Chuyên:.....

Ban Chấp hành Trung ương cơ bản tán thành với Báo cáo của Ban cán sự đảng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Kết luận số 23-KL/TW, ngày 29-5-2012 Hội nghị Trung ương 5 khoá XI về "Một số vấn đề về tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020"; đồng thời nhấn mạnh một số nội dung sau đây :

1- Tiếp tục quán triệt và kiên trì thực hiện các quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu và định hướng về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công đã ghi trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khoá VIII và các Kết luận Hội nghị Trung ương 8 khoá IX, Hội nghị Trung ương 6 khoá X và Hội nghị Trung ương 5 khoá XI. Trên cơ sở đó, thống nhất nhận thức trong Đảng, trong xã hội và có quyết tâm chính trị cao trong việc ban hành và thực hiện chính sách, nhất là việc đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính và tiền lương của khu vực sự nghiệp công lập phù hợp với kinh tế thị trường.

2- Ban cán sự đảng Chính phủ khẩn trương chuẩn bị trình Trung ương vấn đề này thành 3 Đề án :

Đề án cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

Đề án cải cách chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

Đề án cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong các doanh nghiệp.

Khi nghiên cứu xây dựng các đề án, cần chú ý mối quan hệ và tương quan về tiền lương, phụ cấp, trợ cấp của các đối tượng trong các đề án và phải theo lộ trình hợp lý, khi có đủ điều kiện đảm bảo để thực hiện.

3- Về chính sách tiền lương

Căn cứ Kết luận số 23-KL/TW của Hội nghị Trung ương 5 khoá XI, tiếp tục nghiên cứu, hoàn chỉnh Đề án cải cách chính sách tiền lương đến năm 2020 trình Trung ương với một số định hướng sau :

a) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, thu gọn đầu mối và tinh giản biên chế khu vực hành chính, sự nghiệp

- Từ nay đến năm 2016, về cơ bản giữ ổn định cơ cấu tổ chức Chính phủ và tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Đánh giá, xem xét việc tổ chức các tổng cục, cục thuộc bộ, ngành Trung ương để tinh gọn bộ máy. Thực hiện chủ trương không nhất thiết ở Trung ương có bộ, ngành nào thì ở địa phương cũng có tổ chức tương ứng. Hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng quy định khung các cơ quan chuyên môn giúp việc cho uỷ ban nhân dân, đồng thời căn cứ điều kiện cụ thể và tiêu chí, địa phương có thể thành lập thêm một số cơ quan khác sau khi được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

- Từ nay đến năm 2016, cơ bản không tăng thêm biên chế (trừ trường hợp lập thêm tổ chức hoặc phát sinh nhiệm vụ mới). Tổ chức rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để tinh giản biên chế, đưa ra khỏi biên chế những trường hợp năng lực, phẩm chất, sức khoẻ yếu, hiệu quả, chất lượng công tác không đạt yêu cầu; kiên quyết cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, thay thế những người không đáp ứng được nhu cầu bằng những người có phẩm chất và năng lực. Thực hiện nguyên tắc số công chức được tuyển dụng mới vào công vụ không quá 50% số công chức đã ra khỏi biên chế; 50% số biên chế còn lại để bổ sung cho những lĩnh vực cần tăng.

b) Về đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính và tiền lương gắn với kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

- Tăng cường tuyên truyền để nâng cao nhận thức trong Đảng và toàn hệ thống chính trị về ý nghĩa, vai trò của đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính và tiền lương đối với khu vực sự nghiệp công lập. Phải xác định đây là khâu đột phá và cần có quyết tâm chính trị cao trong việc ban hành cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện.

- Phân định rõ loại dịch vụ do các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện; loại dịch vụ do các đơn vị ngoài công lập thực hiện; loại dịch vụ do các đơn vị công lập và ngoài công lập cùng thực hiện. Có chính sách khuyến khích thúc đẩy phát triển số lượng và nâng cao chất lượng các dịch vụ công; tạo môi trường bình đẳng không phân biệt giữa đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập trong việc cung cấp dịch vụ cho người dân.

- Xác định khung giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công lập, từng bước tính đủ tiền lương, chi thường xuyên theo lộ trình, phù hợp với thu nhập của người dân. Xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công theo 3 mức : (1) Mức giá tính đủ tiền lương; (2) Mức giá tính đủ tiền lương và chi phí quản lý; (3) Mức giá tính đủ tiền lương, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định. Trên cơ sở đó, phân loại các

đơn vị sự nghiệp để thực hiện theo 3 mức giá cho phù hợp. Các đối tượng thụ hưởng phải chi trả theo giá, phí dịch vụ. Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và một số đối tượng còn khó khăn để được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu, tạo sự đồng thuận trong xã hội.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp cung cấp những dịch vụ sự nghiệp công có đủ điều kiện, trước hết là các đơn vị sự nghiệp kinh tế, thực hiện cơ chế hoạt động theo mô hình doanh nghiệp và từng bước cổ phần hoá theo quy định. Thực hiện mô hình hợp tác công tư trong cung cấp dịch vụ công theo hướng Nhà nước đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở và cho doanh nghiệp thuê lại với giá tính đủ để duy tu, bảo dưỡng.

- Thực hiện cơ cấu lại và đổi mới phương thức đầu tư, cấp phát ngân sách nhà nước theo hướng : Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, biên giới và hải đảo. Từng bước chuyển từ việc giao dự toán ngân sách cho các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập như hiện nay sang thực hiện phương thức "đặt hàng", "mua" dịch vụ.

- Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với nhóm các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công có khả năng xã hội hoá cao, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động (các trường đại học, bệnh viện và một số cơ sở dạy nghề) theo hướng : Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đồng bộ cả về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính, tài sản khi cung cấp dịch vụ gắn với nhu cầu của xã hội; được quyền quyết định thu giá dịch vụ trên cơ sở khung giá tính đủ các chi phí hợp lý (theo lộ trình). Nhà nước ban hành bảng lương chuẩn trên cơ sở mức lương tính đủ theo nhu cầu tối thiểu áp dụng đối với nhóm các đơn vị sự nghiệp này. Căn cứ kết quả hoạt động và bảng lương chuẩn, đơn vị quyết định tiền lương cụ thể chi trả cho viên chức và người lao động phù hợp với nguồn thu dịch vụ của đơn vị.

- Quy định và thực hiện lộ trình đổi mới cơ chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; nghiên cứu để thực hiện khoán ổn định kinh phí hỗ trợ của Nhà nước trong một số năm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Các giải pháp tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương :

- Thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; giải quyết những khó khăn, vướng mắc của nền kinh tế, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển; bao quát được các nguồn thu, chống thất thu ngân sách nhà nước.

- Cơ cấu lại chi ngân sách cùng với việc điều chỉnh lại các chính sách, chế độ theo quan điểm ưu tiên chi cải cách tiền lương, chi cho con người là chi đầu tư phát triển, cụ thể :

+ Tiếp tục yêu cầu các địa phương dành 50% tăng thu ngân sách địa phương (tăng thu dự toán năm sau so với năm trước và tăng thu thực hiện so với dự toán) cho cải cách tiền lương.

+ Hằng năm, dành một tỉ lệ nhất định tăng thu ngân sách trung ương (tăng thu dự toán năm sau so với năm trước và tăng thu thực hiện so với dự toán) để thực hiện cải cách tiền lương trước khi phân bổ cho các nhiệm vụ khác.

+ Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước :

Bố trí đủ để trả các khoản nợ đến hạn, đặc biệt là các khoản vay nợ nước ngoài (cả gốc và lãi).

Chi đầu tư phát triển được bố trí theo nguyên tắc : vay bù đắp bội chi từ nguồn vốn trong nước và vốn vay ODA cho đầu tư phát triển theo cam kết với các nhà tài trợ; tiền thu sử dụng đất, một phần tiền thu từ sử dụng tài nguyên, tiền thu xổ số kiến thiết; tập trung đầu tư cho các dự án không có khả năng thu hồi vốn. Trên cơ sở đó giữ tỉ trọng chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách nhà nước ở mức hợp lý.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước đối với đầu tư xây dựng cơ bản; tiết kiệm tối đa các khoản chi thường xuyên ngoài lương; giảm dần một số chế độ phụ cấp, bồi dưỡng làm đề án, hội thảo, hội họp... tiến tới đưa tiền lương thành thu nhập chính của cán bộ, công chức, viên chức.

- Rà soát, đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ an sinh xã hội. Trên cơ sở đó, lồng ghép các chính sách, loại bỏ các chính sách, chế độ chồng chéo, không hiệu quả; chỉ ban hành các chính sách, chế độ mới khi đã bố trí, cân đối được nguồn thực hiện.

d) Từ nay đến khi Trung ương thông qua Đề án :

- Đối với đối tượng hưởng lương từ ngân sách, quy định "mức lương cơ sở" thay cho "mức lương tối thiểu chung" và từng bước điều chỉnh trên cơ sở khả năng ngân sách nhà nước, chỉ số giá tiêu dùng và tốc độ tăng trưởng kinh tế. Không bỏ sung các loại phụ cấp ưu đãi, trách nhiệm, đặc thù theo ngành, nghề.

- Đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước, tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương theo nguyên tắc thị trường, có sự quản lý của Nhà nước; từng bước điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh và nhu cầu tối thiểu của người lao động; bảo đảm quyền tự chủ của doanh nghiệp trong việc

xác định, quyết định tiền lương gắn với năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh; tăng cường thương lượng, thoả thuận tiền lương nhằm đảm bảo hài hoà lợi ích của người lao động và doanh nghiệp.

4- Về chính sách bảo hiểm xã hội

Nghiên cứu xây dựng Đề án cải cách chính sách bảo hiểm xã hội theo các định hướng tại Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 01-6-2012 và Kết luận số 23-KL/TW, ngày 29-5-2012 của Hội nghị Trung ương 5 khoá XI, trong đó nghiên cứu toàn diện các vấn đề liên quan đến việc đóng và hưởng bảo hiểm xã hội, đảm bảo quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội; quản lý đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội. Có lộ trình để thực hiện việc điều chỉnh lương hưu độc lập với điều chỉnh tiền lương của người tại chức.

5- Về chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Nghiên cứu cải cách chính sách ưu đãi người có công, sớm điều chỉnh mức chuẩn đảm bảo tương ứng với mức chi tiêu bình quân toàn xã hội để người có công có mức sống trung bình khá trong xã hội. Triển khai đồng bộ các chế độ ưu đãi khác đã được quy định trong Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người có công và gia đình người có công với cách mạng. Tổng kết, rà soát việc công nhận người có công.

6- Giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban cán sự đảng Chính phủ căn cứ Kết luận này tổ chức triển khai thực hiện; chuẩn bị 3 đề án trình Trung ương vào thời điểm thích hợp.

Nơi nhận :

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ**



Nguyễn Phú Trọng

Sao y bản chính

TỈNH ỦY HOÀ BÌNH

*

Số 142 - SL/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hoà Bình, ngày 04 tháng 6 năm 2013

Nơi nhận:

- Các đảng bộ trực thuộc,
- Các cơ quan tỉnh,
- Các đ/c TUV,
- Lãnh đạo VPTU,
- Chuyên viên VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.



Võ Ngọc Kiên